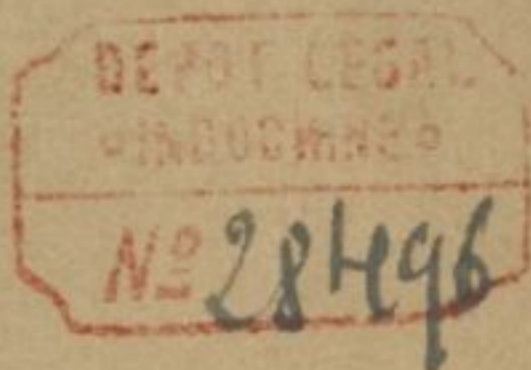


VAN VUI

KHÔI-HÀI THÚ-VỊ

TRẦN-VĂN-TÝ

QUỐC-VĂN GIÁO-SU'



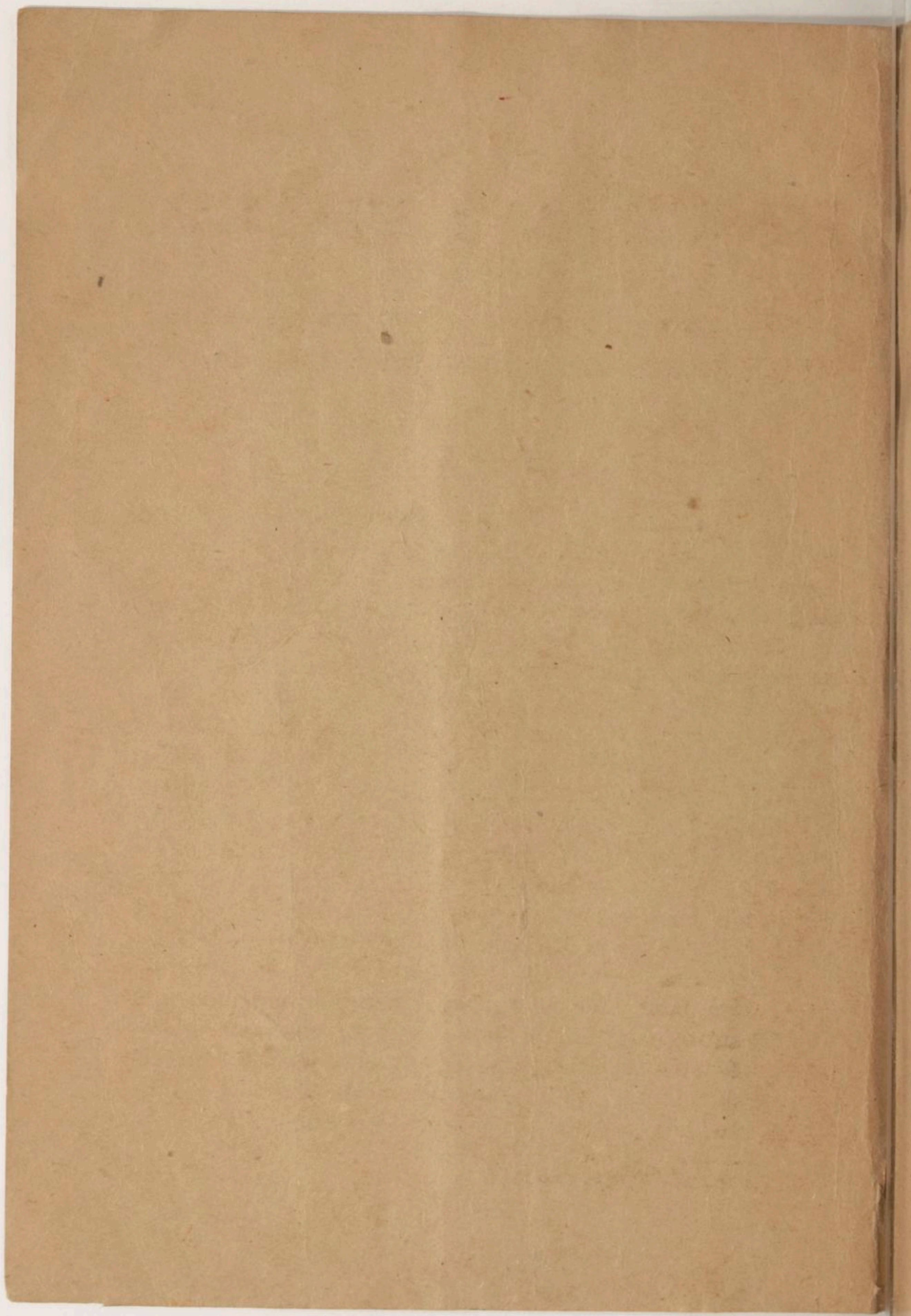
Lập bằng biên thám,
Đáp đồ thành sấu.

0\$50

Giải trí thần-diệu,
Trục muộn cấp-kỳ.

==== QUYỀN NHỨT =====

1882

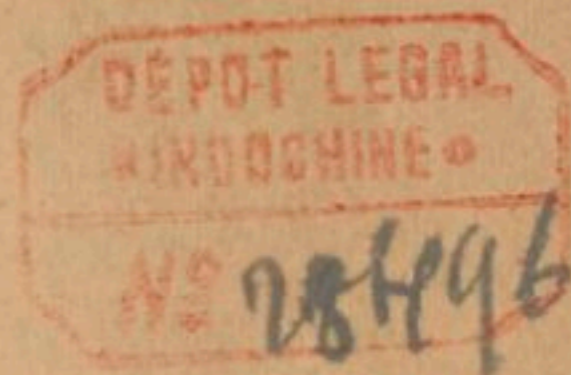


KHÔI-HÀI THÚ-VỊ

Liều gươm trí, chém rơi phiến-não!

Mài giáo thân, chặt đứt khổ-tâm!

TỰA



« Võ trụ giai ngô sự », (1) đứng làm người, ai cũng phải trả nợ đời, là một trách-nhiệm minh-mông, vô biên vô lượng, mắt-mỏ nặng-nề, phi người tài đức vẹn toàn, bạc vàng sung-túc, khó đởm đương châu tất : nào là bồn-phận vô cùng lớn-lao cao-thượng đối với hoàn cầu nhơn-loại nào là trách-nhiệm hết sức trọng-hệ nặng-quần đối với quốc-gia xã-hội. Bất luận giai-cấp nào, cũng đều có phận sự riêng : không xông pha bút trận, hầu mở trí tân-dân, cũng tập-duợt kiếm cung, dặng quyết lòng báo quốc ; chẳng kinh-luân trị nước, cũng nghề-nghiệp giúp đời, người danh-dự ai nào chịu khuất, rước tiếng như « con một hại đời » ! Thế cho nên, trời sanh nhơn-loại, đều phú cho mỗi người một bầm-chất, một thiên-tư đặc-biệt : kẻ giỏi nghề này, người hay khoa nọ, để phục-sự nhơn-quần. Vậy thì sự « cần-lao » (le travail) là luật của tạo-hóa (le travail est la loi de la nature). Nhơn-loại không cần-lao, ắt phải tiêu-diệt : cơm, bánh đâu mà ăn, áo, quần đâu mà mặc, nhà đâu đỡ sương, đỡ gió, dù đâu che nắng, che mưa, khí-cụ đâu chế-tạo máy-móc, vật-dụng đâu đầy-đủ nhu-cầu (besoins) ; quan-lại đâu, dặng trị nước chấn dân, linh-tráng đâu, hầu giữ nhà, giữ nước ! Vậy nên đứng tu mi

(1) Võ-trụ đều là việc của ta.

160 Thuooh.

1882

ưu thời, mẫn thế, (2) không lao tâm, nhọc trí, cũng lao lực, cực thân, kẻ làm việc trong văn-phòng mát-mẽ, người hoạt-động ngoài nê-địa (3) nắng mưa.

Luật công-bình sang-sốt, « cực bao nhiêu ! phải sướng bấy nhiêu ! » Bởi thế, sau một ngày mệt trí mòn hơi, nhọc thân, đuối sức, chẳng những cần thực-phẩm bổ thân, lại còn phải được-linh thần tráng (4).

Vị thuốc tiên để di-dưỡng tánh tình, bồi-bổ trí óc, ấy là « SÁCH VUI » : cuối một ngày cực nhọc vất-vả, sau bữa cơm đầy dẫy trên cam, (5) giữa cảnh gia-đình sum-hiệp, con cháu vây đoàn mà khai trương quyển « KHÔI HẢI THỨ-VỊ » thì thoát-nhiên cả nhà liền cảm thấy « bức màn lao tâm tiêu tử » lờ-mờ, cùng vẻ « bãi-hoải lao lực » rũ-liệt, sẽ-lén lẩn lẩn rủ nhau biến mất, mà nhường chỗ cho « thần trí hân hoan hăng-hái » và « tráng lực khoẻ-khoắn nhẹ-nhàng » Vài chuyện « KHÔI HẢI THỨ-VỊ » đủ gây một tràng cười như pháo nổ, hay ít nữa, khiến một nụ-cười dịu-dàng nở trên gương mặt tươi-rói, dưới luồng điện nhãn-quang rực-rỡ.

Luận về « công-dụng » (utilité) của văn « KHÔI-HẢI », và bàn đến « công-trình trước-tác » lối văn ấy, trên « Phụ-trương Văn-chương » số 10, năm 1931, của báo « Trung-lập » (ô hô ! khuất bóng rồi !), Phan-Khôi tiên sanh có quyết rằng :

« Nước ta xưa nay, trong làng văn-học, có một điều hà-
« khắc quá ! ấy là sự đối-đãi cùng những người có tài khôi-
« hải và lối văn khôi-hải
« Người mình chưa nghĩ đến cái hay của sự « KHÔI-HẢI »
« là dường nào ! ; cũng chưa hiểu đến cái ích-lợi của văn
« khôi-hải và người có tài khôi-hải ra sao

(2) Đứng rầu mày lo cho thời buổi, thương xót đời.

(3) Đất thấp bùn lầy (terrain marécageux).

(4) Thuốc linh nghiệm tráng kiện tinh-thần. (5) qui ngọt, ngon ngọt

« Nhưng phải biết rằng ai có tài thông-minh tuyệt-thể,
« thì mới nói được chuyện giễu có duyên, hay là làm được
« bài văn bông-lơn có duyên, chớ không phải dễ dẫu gì
« dẫu, mà hòng khinh-thị ! Làm một bài văn trang-hoàng
« điển-nhã, trong mười tay văn-học, tay nào cũng làm
« được hết; chớ làm một bài văn khôi-hài cho hay, đọc lên
« cho ai cũng mở miệng cười và lấy làm thích ý, thì trong
« mười tay ấy, chưa chắc đã có một tay làm được dẫu !

« Văn khôi-hài nó thường làm cho cảm-động người ta
« một cách rất mạnh, mà người ta không tự biết. Giả như
« tôi có một tật xấu gì, có kẻ làm hài-văn để ám-chỉ cái
« tật xấu ấy, trong khi tôi đọc đến, tôi phải tức-cười nồn
« ruột, mà tôi không giận được, rồi lần lần tự-nhiên, tôi
« bỏ tật xấu ấy đi bao giờ, mà chính tôi đây cũng không
« hay. Đó mới thật là một bài văn « KHÔI HÀI THÚ VỊ »
« rất hay đó ! và cái « CÔNG DỤNG » của nó là như thế.

« Sở-dĩ ông Molière nổi danh trên văn-đàn nước Pháp.
« và cũng nổi danh cả trên văn-đàn thế giới nữa, là chỉ
« nhờ có cái tài hay khôi-hài. Coi đó thì biết trong làng
« văn bên Âu-châu, người ta biết trọng đấng kẻ hay khôi
« hài lắm, chớ không như bên mình.

« Chúng ta phải phục ông Tư-mã-Thiên là ông thánh-
« sư về sử-học và văn-học. Trước hơn hai ngàn năm nay
« mà ông đã nhận rõ « SỰ KHÔI HÀI CÓ QUAN-HỆ VỚI
« THẾ ĐẠO NHƠN TÂM », văn khôi-hài là một thứ văn có
« diệu dụng phi thường, và NHƠN VẬT KHÔI-HÀI CŨNG
« LÀ HẠNG SIÊU-QUẦN XUẤT CHỨNG.

« Kể ra người hay khôi-hài, lại còn có cái đặc tánh
« đáng quý, là người nào cũng có cái vẻ tự cao và khinh
« đời, . . . chẳng coi công danh, phú quý ra chi, mà cả
« đời chỉ có nói bông, nói đùa, cốt để biếm đời hay răn
« đời, chớ không thêm cầu gì hết. Cái tư-tưởng tự-do ấy,
« cái khí-phách độc-lập ấy, hỏi trong đám đọc sách muôn
« pho làm sách ra đầy tủ, đã mấy người có được ư !

« Ở nước ta xưa nay, những tay khôi-hài có phải mọi
« mình ông Cống-Quỳnh đâu, ... còn ông Tú Xuất ở Nghệ-
« An, ông Ba Giai ở Hà-nội ; lại trong Nam-kỳ, cũng có
« một vài người đương sống. Nhưng tiếc thay ! đời đã
« không mấy người biết trọng, thành ra hạng nhân-tài ấy
« cũng đành đem tên họ chôn, trước khi mình qua đời,
« rồi lần lần cùng rụi với cỏ cây !

« Tôi lại từng đọc sách, thấy người ta nói dân-tộc nào
« phổ-thông có tánh hay khôi-hài, ấy là biểu-lộ ra dân-tộc
« ấy có tư-chất thông-minh. Mà giọng khôi-hài càng sâu,
« sắc chừng nào, thì lại càng tỏ ra cái trình-độ thông-
« minh cao chừng nấy.

« Phải lắm ! có thông-minh mới nói ra câu bông-lơn
« có thú vị mà cũng duy thông-minh lắm, mới biết thưởng-
« thức cái thú vị của câu bông-lơn hay. Bởi vậy,
« bên Ấn-độ có một ông Bác-sĩ xuất-bản một cuốn sách
« toàn là chuyện « KHÔI-HÀI » của nước mình, mà đề tên
« sách là « THÔNG MINH TÀI TRÍ » của người Ấn-độ.

« Theo tư-trào văn-học của thế-giới ngày nay, tôi muốn
« nhắc cái địa-vị « KHÔI-HÀI » lên cao một chút trên văn-
« đàn nước ta. Từ nay ta hãy trọng hơn tài khôi hài,
« thì văn ấy mới sản sanh ra được ».

Bài luận-biện xác-thực, chí lý rõ ràng của « Phan tiên-
« sanh » là một tia hi-vọng cực-kỳ sáng suốt của tiên-đồ lối
văn « KHÔI HÀI ». Thật :

Lời lời châu ngọc. Hàng hàng gấm thêu !

Viết ra quyển « KHÔI-HÀI THÚ VỊ », tôi chỉ nói điều
các bậc đại văn-hào tiên-bối đã nức tiếng « khôi-hài »,
dám dàu « đánh trống trước cửa nhà sấm ; mùa riu qua
mặt thợ ! », xin hải-nội chư quân miễn luận.

Kính tự,

TRẦN - VĂN - TÝ

tự **VĂN-AN**

QUỐC-VĂN GIÁO-SƯ

KHÔI - HÀI THÚ - VI

Khỉ đóng giày

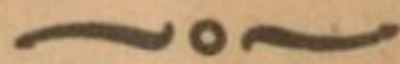
Anh thợ đóng giày kia an cư lạc nghiệp trót mười năm, ngày ngày, vừa làm việc, vừa lý hát, bộ hăng-hái vui vẻ lắm.

Nhưng cuộc đời hoan-lạc của anh, thỉnh-linh như b. mây mù ám ảnh, khiến anh phải lo ngại, tức giận nhiều phen Duyên có là tại nhà đối diện với tiệm anh, mới nuôi một con khỉ đột, mà rõ là khỉ đột chánh tông, (hiệu con nai mà ! ...) chớ chẳng phải khỉ tầm thường. Ôi thôi ! nó phá như quỷ, hại như yêu !

Thường ngày, anh thợ đang lui-cui đóng giày, thì bên kia, khỉ chăm-bặm ngó qua, không nhay mắt, cố ý xem kỹ cách hành động của anh mà bắt chước : nào mài dùi cho nhọn, liếc dao cho bén mà dùi lỗ, gọt da ; nào cắt da theo kiểu giày, lụi kim vào da, đóng đinh dưới gót, không việc chi thoát khỏi tầm con mắt tọc - mạch quan sát của khỉ ta. Buổi trưa nào, anh thợ đi dùng cơm, mà quên đóng cửa cùng quên cắt da, bổ, hay khi-cụ vào tủ, thì khỉ ta mừng lắm, chạy a vào tiệm, mặc sức tung-hoành, gặp chi phá nấy, không dung một món, cũng mài dùi, liếc dao gọt da, cắt bổ, lụi kim, đóng đinh như anh thợ, bộ lẳng-xăng, tương lỏng-không, bực-ninh-nang, nhú mặt, nhăn răng, dễ tức cười lắm. Chừng anh thợ xong bữa cơm, ra nhà trước, thấy tá-hóa sự thiệt hại, vừa la, vừa rượt, thì khỉ ta lẹ như chớp, nhảy nai, nhảy hươu về nhà chủ, leo tuốt lên nóc chuồng cao nghệu mà ngồi chồ-hỏ, trợn mắt, nhăn răng, miệng nhóp-nhép, tiếng khè-khệt, dường như đầu khâu, kháng cự, chọc tức anh thợ. Anh này chỉ còn nước vào mắng vốn với chủ và đòi bồi thường, mà như thế đã năm ba phen rồi.

Tức tràn hông, chịu hết nổi, anh mới nghĩ cách trả thù một mẽ đau đớn, cho khi tổn đến già. Tìm được một kẻ, anh ta lập-tức thừa lúc khi đang đề ý dòm hành, mài con dao gọt thiệt bén, vừa mài, vừa ngó chừng, thấy khi ngó lờm-lờm, anh đắc ý lắm, biết thế nào khi cũng mắc mưu. Mài đi thử lại, đến chừng dao bén như dao cạo, mới thôi. Rồi đó, anh đưa dao lên ngang cổ mình, giả bộ khứa qua, khứa lại đến mấy chục lần, có ý cho khi nhiễm vào óc, nhớ mà bắt chước. Đoạn, anh bỏ ra nhà sau. Quả thiệt như ý: vừa thấy vắng chủ, khi ta lót-tót men qua, lấy dao gọt, cũng mài, cũng thử rồi đề ngay cuống họng mà khứa, bịch như anh thợ, song khác một điều là khi ta đề lưỡi dao sát vào da, nên chỉ mới khứa qua một cái, thì thấy đau thấu ruột, máu chảy đầy mình, hoảng-hốt quăng dao, vừa chạy, vừa la chít-choét, quây mòng-mòng, rồi ngã xuống dẫy tê-tê, kể ngay cán cuốc.

Kẻ bắt-chước vun-về, không nhằm cách, không phân nên, hư, phải, quấy, có khác chi khi này.



Đấu tài cao thấp

Ông kia, sự-nghiệp chỉ vốn-vẹn có một cái nhà ngói, tuổi đã gần đất xa trời, liền kêu ba đứa con trai mà dạy rằng: « gia-sản ta, chỉ có cái nhà, không thể chia ra được. Vậy cha cho mỗi con số tiền này, cho phép các con tự ý đi tìm thầy học nghề, đúng một năm, đến ngày này, tháng này, ba con phải hội về đây, trở tài cho cha xem, đứa nào tài xuất chúng, võ siêu quần, cha sẽ thưởng cho nhà ấy ».

Ba anh em mới từ giã cha, mẹ ra đi, kẻ học nghề này, người chuyên môn khác.

Đúng kỳ, học đã thành tài, cả ba đều lần-lượt về. Trong lúc gia-đình sum-hiệp, mừng rỡ, bỗng một con thỏ, có lẽ

bị thợ săn rượt, chạy lạc ngang trước nhà. Con trưởng-nam tức-tức xin thử tài, lệ tay quây một chút bột xà-bông cao râu, vọt chạy theo, hắt trên mép thỏ, vừa theo bèn gót, vừa cao sạch bách râu thỏ. Cả nhà đều khen rộ: « hay lắm ! hay lắm ! »

Một lúc sau có con ngựa sút chuồng, chạy đến như bay. Con thử, lệ như nháy mắt, chụp lấy búa, kèm móng sắt và đinh, đuổi theo, nhổ đinh, rút bốn móng cũ rồi đóng bốn móng mới, công việc không đầy một phút. Nội nhà cho là giỏi nhất.

Vừa lúc trời đổ hạt, tới phiên con út trở tài, tay cầm gươm, đưa lên khỏi đầu và quây tròn, và chạy ra sân trống. Mưa lâm râm thì gươm quây chậm chậm; mưa càng lớn, thì gươm múa càng mau; đến khi mưa ồ ồ như suối, thì hết thấy lẫn gươm, nước vệt tứ giăng, gươm quây vùn vụt xem mát mắt, mưa độ nửa giờ, mới vào nhà, không một hạt mưa ướt đầu hay thấm áo.

Người cha vừa lòng lắm, hô rằng: « xảo nghệ, chơn xảo nghệ, kỳ tài thị kỳ tài ! Đáng mặt trang ủng-hộ quốc-gia, xứng tay đấng khuông-phò xã-tắc. Nhà kia quyết chắc, thưởng trẻ kỳ tài. Hai con kia, tài cũng nên tài, nhưng suy lại, đó là tiểu xảo, khôn bề giúp nước, khó nổi phò vua, xét lại còn thua, sao bằng khoa võ ! »

Sư-tử bắt-xua (bonjour) **khí**

Một công-ti thương-mãi, vì kinh-tế khuôn-bách, phải bớt nhơn-công, buộc lòng mời anh Tôn về nằm nhà, chờ qua tuần bỉ cực, đến bước thối-lai sẽ thâu dụng lại.

Than ôi ! anh thuộc về hạng lao-động, tay làm, hàm nhai, ăn bữa nay, lo bữa mai, nào phải dư ăn mà nằm

Xảo nghệ : nghề khéo ; — *tiểu xảo* : cái khéo nhỏ-mọn.

mèo xó nhà đặng chờ đợi tháng này qua năm kia. Vừa thất-nghiệp vai ngày đã thấy đói rồi mà ! Thế nào cũng phải sớm bươi quào mới sống được.

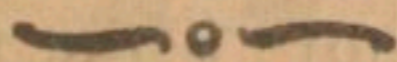
Cùng nghề, đương thùng, tưng nghề đương nia, anh mới liều năm xu mua một tờ báo, mau mau xem rảo cội « lời rao vặt », cặp mắt trừng lên liếc xuống, đầu xây qua xây lại theo hàng chữ trên, dưới, bộ nóng nảy hớp-tớp lắm, nhưng có vẻ cương-quyết, ai cần việc chi, có thể làm, cũng lãnh ngay. Thình-linh cặp mắt anh tớp lại, nhãn quang rục rỡ, lại tỏ dấu ngạc-nhiên : « cần một người đủ tư-cách làm khi, lương mỗi ngày hai đồng, do nơi văn-phòng quan chánh sở thú ». Anh đọc đi, nhái lại câu ấy đến ba lần, rồi cặp mắt ngó xéo, hơi híp lại, bộ nghĩ-ngợi sâu xa, tự hỏi mình : « làm khi ! làm khi ! làm khi là làm sao ? Thế nào gọi là làm khi ! kỳ dữ be ! nghề gì lạ vậy ! »

Tuy không hiểu chắc « làm khi » là gì, anh ta cũng đánh liều thử thời vận, đi riết đến vườn bách-thú, tìm ông chủ sở, lột nón xá sâu, rồi xạt liều mạng ba tiếng với ngài : « măn-xừ ! mỗ, mỗ-dấng phe xanh-rờ. mề phét com-măn, măn-xừ địa mỗ ! (monsieur, moi, moyen faire singe, mais faire comment, monsieur dire moi). Nghe giọng tây điết con rái, ông chủ mặc dầu nghiêm trang, cũng bím môi, khò nin cười, lại thấy anh ta dạn-dĩ, vừa nói vừa ra bộ, đứng không yên, ngã tới, xích lui, nghiêng qua, đảo lại, lóc-chóc như khi, quan chánh sở vừa lòng, dạy rằng : « được ! mầy đáng mặt làm khi. Việc làm không chi rắc-rối. Số là con giả-nhơn trong vườn mới chết, chờ ba tháng nữa, mới có con khác thế. Ta không muốn đề chuồng trống, vì con khi này bộ-tướng như thẳng hề, ngày tối chạy qua, trở lại, thót lên, tuột xuống trong chuồng, nhãn mặt, nhíu mày, bình mũi, nhãn răng, mắt lão-liên, miệng nhóp-nhép, như trêu, như gheo, làm nhiều trò tức cười nôn ruột, nhờ nó giúp vui khách ngoạn cảnh. Ta co

mươn thợ lột da nó, tằm thuốc, phơi khô xong rồi. Người cứ mang lột da ấy, vào chuồng làm khi thế, giả bộ-tịch y như nó vậy ».

Anh Tôn chịu liền, và lập-tức mang lột khi, khởi công. Bộ-tịch có duyên lắm, quá cha khi đột nữa ! Ai thấy cũng cười muốn bẽ bụng. Nhưng, chưa được một tuần, anh ta đã chán nghề « làm khi trong chuồng », mới vào kêu nài với ông chủ : « thưa ngài, làm khi mà bị nhốt hoai, bực bội lắm, nhàm quá, xin ngài cho tôi ra ngoài làm « khi thề-tháo » xít đu chơi ! Nghe tiếng « khi thề-tháo », ông chủ cười xòa, cho liền. Ngài sai thợ làm một cái đu gần chuồng sư-tử. Khi ta mới trổ tài gân cốt, lúc khom khom cật, khi ngửa ngửa lòng.

Rủi thay ! ngày kia đang hưng chí, vừa xít đu, vừa nhào lộn hăng-hái quá tròn, sút tay, rớt cái « bích » trong chuồng sư-tử. Tội nghiệp cho khi ta, phần thì đau thốn đít, phần sợ sư-tử làm quen, vừa nhăn mặt, hít-hà vò đít, vừa hoảng-hốt, ngó giớn-giác tìm chỗ thoát thân. Than ôi ! song sắt cao vòi-vọi, cửa lại khóa khít khao, ra sao được, nhảy không qua. Còn sư-tử ác-nghiệt, vừa thấy khi, liền thun mình nhảy phóng đến. Khi ta té đái, té cứt, nằm mọp xuống, run như thăn-lăn đứt đuôi, hai tay che mặt. Ngờ đâu, sư-tử nhẹ-nhẹ vỗ vai khi cách thân-mặt mà nói rằng : « hồi trước tao cũng làm chung một hảng với mày ! ». Chừng đó, khi ta mới hoàn hồn, nhưng vẫn còn hồi-hộp, vừa che mặt, vừa nhướn mắt xem kỹ, thì thiệt ra là sư-tử người, mà người ấy, có ai đâu lạ, chính là bạn đồng-nghiệp của khi ta, cũng đồng hoàn-cảnh, vì mất sở làm, phải vào mang lột sư-tử, như anh ta đóng vai khi vậy. Rồi đó hai đảng bắt-xua nhau.



Lấy !... Không lấy !...

Tật nhu-nhược là bịnh trầm-trọng thường biểu-lộ trong việc hành động của người thiếu óc cương-quyết. Chẳng những bịnh ấy làm rối trí kẻ đở, mà lại còn làm khổ tâm cả gia đình.

Lý Toét là người lưỡng-lự nhút-nhát, mỗi khi tính làm việc chi, thì dụ-dự năm bảy phen. tính tới, tính lui vừa gác đầu chiu, lại lắc đầu không chịu; mọi ừ ừ, phải phải, liền không không, chẳng phải; khi la được, lúc hô không, nói đi, cãi lại, lắm khi làm cho vợ lý Toét ứa gan.

Ngày kia, lý Toét sắp đi dự bàn hội-tề, vì một cây dù mà dùng-dăng mấy lượt, cãi lầy bao phen với vợ hương. Lúc đó trời mưa lâm-râm, vợ lý đang lom-khom lượm củi sau nhà. Lý Toét khăn áo đàng-hoàn, cất tiếng kêu vợ lý kêu thôi hồ-lơ hồ-dực mà vợ lý chưa vò, vì mắc ôm rần ba mớ củi cho rồi, kéo mưa ướt. Đến chừng cậu lý nổi nóng, hét lên một tiếng như bò rống, vợ lý không biết chuyện gì, bỏ giỏ đồng củi, hơ-hãi chạy lên, bụng sợ phập phồng, ngực nháy thỉnh-thịch, tưởng có việc nguy xảy đến. Lý Toét cản-nhấn : « người ta có việc, mới kêu mụ, sao mụ chần-chờ vậy ! » Vợ lý nhỏ-nhẹ thưa : « ông nó bớt giận, tôi mắc lo lượm củi đặng nấu cháo heo ». Lý Toét trợn mắt hét rằng : « hừ ! mụ nấu cháo cho heo ăn, phải nấu cho tôi ăn sao mà gấp vậy » (khôn chưa ! phân bì với heo, chớ !) Nghe câu nói quá khờ khạo, vợ lý nín không được, vùng cười xòa. Cậu lý càng phát dóa, nạt rằng : « cười gì ! cười gì ! mụ có biết câu « phu xướng phụ tùy, chồng chúa, vợ tôi không ? kêu rất cuống họng, không dạ, không lên, bây giờ mới chịu lên, còn nhăn răng khỉ mà cười nữa ! ». Chưa dẫn nổi trận cười, vợ lý, ngổn-ngổn đáp : « thì việc chi, ông cứ nói ». Lý Toét hậm-hực giây lâu, mới nói : « bữa nay, tôi đi nhóm hội-tề »

mà trời đổ hột, tôi muốn hỏi mợ, coi sẽ mưa lớn không và tôi phải lấy dù theo, hay không lấy ! » Mợ lý nghe câu hỏi trẻ con, lại tức cười nữa : « nời dất ôi ! tôi có phải trên trời mới rớt xuống đâu, mà biết mưa lớn, mưa nhỏ gì, trời đã rớt hột, hễ cần-thận, thì cứ đem dù theo cho khỏi ướt mình, có gì rắc-rối mà hỏi, mà bàn ! » Lý Toét gạn rằng : « mà mụ chắc mưa to không ? » Mợ lý lắc đầu, chắt lưỡi mà rằng : « thì tôi đã nói tôi không phải trên thiên-đình rớt xuống mà chắc, cùng không chắc ! ».

Lý-Toét ra bộ hùng-hồn cương quyết : « thầy kệ ! tao cứ lấy dù theo ! » Vừa nói, vừa bước lại chỗ móc dù. Khi vói tay lấy, ông ta lại đổi ý : « mà thôi, nếu trời không mưa, cầm theo uổng công ! » Nói rồi, ra đi vừa được ba-bốn bước, quày lại : « không được ! phải đem dù, không thôi rùi mưa, ướt không còn manh giáp ». Chuyển nầy lý Toét vác dù trên vai, bộ vó bậm-trợn như linh bông súng. Khỏi cửa ngõ, thấy xã Xệ đi tay không, bước khoan-thai, tay đánh đòn xa, bộ thung-dung, nhẹ nhàn yếu điệu, lý Toét nghĩ rằng : « đi, mà cầm dù thì coi nặng nề, lưng, khùng chết đời », liền réo đũa ở là thằng Nhòe, biểu đem dù vô cất. Đoạn lý Toét, xã Xệ bắt cặp, cùng đi một lượt, tỏ vẻ tự-đắc, tướng đi oanh-liệt, với bộ đồ lễ-phục, đầu bịt nọng heo, chơn mang giày tâu, lâu lâu ngược mặt xem mây. Dè đâu, còn lối vài trăm thước nữa, thì tới nhà-việc, vô tình một trận mưa ồ ồ trút xuống, Lý Toét vừa kéo vạt áo che đầu, vừa la : « chạy, anh hương, chạy ! hè ! hè ! ! » nhưng không tránh khỏi cảnh nọng-heo nổi nước, áo tổ ước mèm. Ôi thôi ! hai cậu hương phải rán hè nhau chạy đua một bữa, chạy đến sứt giày, rớt nọng. Tới

công sở rồi, hai cậu hương ta mệt le lười, lột nọng heo xuống, cời áo tổ ra, bày áo cánh cộc vắn ngắn, chớ tấp ba năm chưa tới, bộ xên-lẻn khóm-róm như gà mắc nước. Còn lấy !... không lấy nữa thôi ! !

Thằng « Soi Sỏi Sỏi »

Trong lớp tư trường làng kia, có một trò, mặt như khi đốt, liến xáo nhứt, học hành biếng-nhác hơn hết, nói chuyện như két mẹ, lóc-chóc quá khi già, tên « thằng Tẹt », mà chúng bạn thường gọi bỡn là thằng « Soi Sỏi Sỏi ». Trong giờ học, có chuyện chi rắc-rối, la ó, thừa gỏi, thì thường đầu dây mối nhợ là thằng Tẹt. Bị đòn như ăn cơm bữa, mà có tổn đâu ! khi cũng huờn khi. Máy trò ngồi gần đều chạy mặt Tẹt, không phá cách này, cũng chơi kiểu nọ : buộc dây sau vạt áo, bắt làm « mọi có đuôi », lên đề bình-mực ngay chỗ ngồi của trò đứng đọc bài, chừng đọc xong, vô-linh ngồi xuống, không nhứt xương-khu, cũng thốn đít ; đấm trên lưng đũa này, rồi ngó chỗ khác lập nghiêm ; vả sau ót đũa kia, rồi xây bên nọ làm tỉnh ; không bôi phấn trên mặt thằng Xoài, cũng bỏ rất trên đầu thằng Mit ; còn trò nào bị kêu lên « tấp-lô » (tableau) mà phải đi ngang trước mặt Tẹt, thì đổ khối bị quèo chơn, không « chụp ếch » cũng nhủi đầu. Rõ thật Tên là « con quỷ sống » trong lớp. Thầy cũng cao tay ấy, mà trị cũng chưa nổi, khi đánh Tên thì phải múa một cây thước-bản, bề ngang bốn ngón tay, đặt tên là « ông tướng Đô-vong », gõ trên đầu, thì đầu mọc sừng, đả vào lưng, thì lưng nổi cục. Mỗi lần « ông tướng Đô-vong » lên, thì ôi thôi ! cười rùm cả lớp : Tên vò đầu lia-lịa, chà đít lia-lia, nhăn mặt,

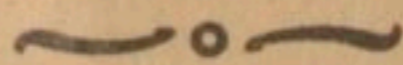
mếu mòi, hít-hà, chắt lưởi, nháy cà-tưng, né bên này, tránh bên kia, như khi mắc phong. Vậy mà có ghê đâu ! Thật « đánh cho chết, nết không chừa », mà !

Ngày nọ, thầy giải nghĩa bài, đến chữ « le chauve » (lơ sô-vờ). trợn lớp đều lẳng-lặng nghe, chỉ một mình Tẹt đang lui-cui cột « đuôi mọi » vào vạt áo của trò bên cạnh. Thầy dư biết, thỉnh-linh kêu Tẹt. Tẹt dụt mình, lẹ lẳng ngồi ngay thẳng, giả bộ chăm-chỉ. Thầy hỏi : « Tẹt ! le chauve, nghĩa gì ? » Tẹt le lưởi, gãi đầu, ngó vợ vác, nghe trò nào ngồi sau, nhắc thăm « thẳng soi, thẳng soi ». Tẹt không hiểu chi, đánh liều trả lời, họa may đỡ đòn : « thưa thầy ! le chauve là « thẳng Soi ». Học-trò cười rộ lên. Thầy gạn hỏi : « thẳng soi ếch, hay soi nhái ? » Tưởng mình cắt nghĩa gần trúng, Tẹt trả lời cầu may : « dạ ! thẳng soi ếch ! » Một trận cười dữ-dội nổi lên. Thầy nghiêm nét mặt, giả dò khen « giỏi », rồi thưởng một cái « cốc » dích-dáng trên đầu Tẹt, mà sửa rằng : « không phải ! thẳng soi cóc ! » Tẹt không ngờ thầy gạt mình lặt-đặt thưa : « bầm thầy ! le chauve là « thẳng sòi cóc ». Lại tiếng cười rộ lên nữa. Thầy bồi thêm hai cái « cốc », rồi hỏi tiếp. Bị ba cái « cốc », u đầu, nhức quá, sợ thầy nich luôn cái « cốc thứ tư, liền hớp-tớp, trả lời : « thưa thầy ! le chauve là « thẳng Sòi ». Học-trò đều ôm bụng cười ngất. Thầy khen « hay ! », rồi tiếng « cốc cốc ! » liên-thình vang lên, như thầy-chùa gõ mõ. Đau quính, anh ta vừa lẹ miệng, vừa lấp-dấp hô lớn : « bầm !... bầm thầy ! le chauve là thẳng Sỏi », cả lớp cười nôn-ruột, trong lúc nghe « cốc cốc ! cốc cốc ! liên tu ».

Khởi đầu chữ « soi », mà đã bỏ dấu huyền, dấu hỏi, chỉ còn sót dấu sắc, dấu nặng, khi ấy dường như một lần diễn xệt ngang óc, Tẹt cảm thấy tiếng « sòi » mới có nghĩa lý chớ « sòi, sòi soi » là thẳng gì, liền hơn-hở la rằng :

« dạ !... dạ !... thầy « thẳng sói ». Thầy làm bộ quở :
« ủa ! sao mày dám gọi tao là « thẳng sói » ? Tet nói :
« dạ thưa thầy ! tôi là « le chauve là thẳng sói » Thầy cãi :
« vậy thì mày nói cho trọn câu, nghe cho rõ, chớ sao mày
thưa « dạ !... thầy « thẳng sói ».

Tuy giận trò Tet nghịch-ngợm, thầy giáo cũng khó nín
cười, giễu rằng : « mày lanh quá ! gia tài bốn dấu (sắc,
huyền, hỏi, nặng) mà mày đã bỏ hai dấu rồi (huyền, hỏi),
chỉ còn dấu sắc, dấu nặng là lẽ tất tứ bát, mà cũng may !
cô hồn xui giục cho mày chớp dấu sắc trước, cũng đỡ
được vài cái « cốc » ! Mô phật ! học như mày, đó ai dám
bị. Nội ba chữ « thẳng soi cóc » của mày cũng đủ đậu
« trang-nguyên », phải chơi đâu ! Đáng gọi mày là « ông
trạng Soi Sỏi Sỏi » lắm, đa ! hay là « ông trạng soi cóc »,
nghe cũng rôm rả lắm mà ! ».



Ruồi mang bệnh cùi.

Ông kia tánh hảo ngọt, trong nhà có sẵn luôn luôn một
thố lồi vài trăm miếng đường. Nhưng rồi ông muốn nhắm
một thẳng đày-tớ cũng đồng bệnh ưa ngọt. Từ ngày có
thẳng này, thì lạ sao ! thố đường coi bộ mau hết quá !
Ông nghi cho nó, vì nhà ông chỉ trợ trợ có hai vợ chồng
già, không con, mà bà lại không hảo ngọt. Vậy thì thẳng
chết xé này thò tay mặt, đặc tay trái vào thố đường,
chớ ai !

Ông mới lập kế bắt sớm mai kia, ông lấy đường rồi,
liền bắt một con ruồi bỏ vào thố, đây nắp kín lại. Thẳng
ở nào dè thừa lúc chủ ra sau vườn, anh ta quen thói,
lén ăn-cắp đường, thấy ruồi trong thố bay ra, tưởng ruồi
đánh hơi ngọt vào, rồi bị đây nắp ra không kịp. Đến trưa,
ông chủ lấy đường ăn uống nước chơi, thấy mất con ruồi,

biết « thẳng mắc toi » đã dỏ nắp lấy đường một lần rồi. Nhưng ông nín thinh, giả bộ không hay biết gì Ông lại nhốt con ruồi khác. Chiều, ông chăm chỉ ngó trong thố, thấy ruồi mất dạng, biết chắc thẳng « mắc-dịch » đã phi-lu (filou) cú thứ nhì. Ông lập-tức kêu nó, bắt đứng trước mặt ông, rồi ông khoanh tay, lẳng-lặng ngó thố đường mà cười cười. đoạn ông ngó ngay vào mặt nó một hồi, thấy mặt nó đỏ sặc, rờ thử ngực nó, thì thấy đánh lò tò. Thôi ! chắc rồi ! Ông nói : « mấy bữa rày đường trong thố lần lần tàng hình bộn-bàng. Vậy mầy có ăn, thú thiệt, tao dung chế cho, tánh tao thương đũa thiệt tình, vả lại có lỗi mà thú thiệt, thì tội nhẹ hết hai phần ». Thẳng đày-tớ lảnh lảnh, biết chủ làm cách ngon ngọt dỗ mình, nếu mình vô ngực chịu, rồi ông không giữ lời hứa, chừng đó phải đòn nức đít còn gì ! nên chối liền. Chủ cười lạt, nói : « bằng-cớ chắc-chắn ! từ rạng-đông đến giờ, mầy chộp hai lần rồi, phải không ! thẳng « mắc gió », mà mỗi lần mầy dỏ thố, đều có một con ruồi bay ra ». Thẳng ở tái mặt, biết mình trúng kế, mới lạy xin tha. Ông chủ thấy vậy, cũng chút thương tâm, không nỡ đánh, chỉ dọa sợ. nếu bắt được một lần nữa, sẽ căng vò nọc mà đánh. Thẳng ở mừng lăm, dạ, dạ đôi, ba tiếng.

Rồi đó, ông cũng sẽ lên bỏ con ruồi khác vào thố đường. Hai ngày sau, anh ta không dám rờ đến, con ruồi vẫn còn. Mà thể thường, ăn quen, nhịn không quen : qua ngày thứ ba, thềm đường đến chảy nước dãi, anh ta mới phá kế của chủ : bắt sẵn một con ruồi, khi dỏ nắp thố, nếu sợ ý, ruồi của chủ bay ra, thì cứ quăng ruồi mình vào. Anh ta dùng chước này gạt chủ trên nửa tháng, làm ăn bộ « có đường lăm ! » Mà mỗi ngày phải bắt ruồi đôi, ba lần nhọc công quá ! Nó mới rút bỏ hai cánh, cho ruồi bay ra không được nữa. Chủ vô ý, bị gạt gần hai mươi ngày.

Bữa nọ, ông dợt mình, nghĩ rằng: « không lẽ ruồi bị nhốt, mà sống, đến hôm nay! » Ông đem thố đường ra sáng mà xem kỹ, thì thấy ruồi cụt cánh. Thôi rồi! mắc mưu « thặng chết bầm » nữa rồi! Ông nổi trận lôi đình, hỏi nó. thì nó run lập-cập, thưa rằng: « dạ.... dạ, chắc hôm trước ông bắt nhầm « con ruồi cùi » nên cụt cánh ». Vừa nghe nói « ruồi cùi », ông bắt tức-cười, bợt giạn, nạt sớ rằng: « đồ mắt toi, tao đã hai, ba thứ tặc rồi, mà mày còn khôn quá tổ nội tao nữa. Thôi đi cha! cuốn gói về đi, không dám mượn « cha » nữa đâu.

Nói tiếng tàu, người tàu phải bí.

Ông phán kia từng sự tại Chợ-lớn, có mượn một thặng từng. Nó thường khoe chú ruột của nó chuyên nghề thuốc bắc đã ba đời, có mở tiệm thuốc tại Xảng-Xèng, và có truyền nghề chút ít cho nó. Nó lại nói phách rằng bất luận thuốc gì, nó cũng biết tên hết.

Thấy nó quá tự-đắc, ông phán tinh trác nó chơi, mới biểu: « Á Xinn à! nị lại tiệm thuốc bắc mua cho ngộ một đồng xu « tông-khai », hai xu « khồ khi », ba xu « ti-lù », bốn xu « khốc-mỉ », năm xu « xôi-linh », nói rồi đưa cho nó một cắc rưởi, và hỏi: « nị biết không, nhớ không, nói lại nghe! »

Chú từng nghe tên thuốc gì lạ tai quá! nhưng mình đã trót khoe-khoang, lẽ nào lại nói không biết, liền đáp: « Xao lại khon piết (sao lại không biết). ngộ tã nói dơi thầy, ngộ học thuốc tả pa pống tháng trời lá! (ngộ đã nói với thầy, ngộ học thuốc đã ba, bốn tháng trời, lá!). Cái này thầy piều (biểu) mua: một tông xu (đồng xu) « tong khai », hai tông xu « khồ-khi », ba tông xu « ti-lù », pống tông

xu « khoóc mĩ, năm tòng xu « xôi-linn », lá ! ». Nói xong, từng ta chạy riết lại tiệm thuốc ông ban Xinh mà mua

Ông ban mắng : há ! nị làm con khi-ỉ lá ! Nó cái rằng : không phải mà ! ngộ mua khỗ-khi, chớ không phải mua con khi mà !

Ông ban la rằng : hày lá ! ngộ à cái này mậu hiệu lá ! nị ti dề (đi về) hỏi lại (lại) lá !

Từng ta chạy về, lật-đật hỏi chủ. Chủ rằng : tao nói chơi, ai dề mầy đi mua thiệt, tao biểu mầy mua cái « không không », mà ! Đồng xu « tòng-khai » nói lái là đồng xu « tay-không », hai xu « khỗ-khi » là « khi-khỗ », ba xu « ti-lù » là « cái tù-li » bốn xu « khốc-mĩ » là « khi-mốc », năm xu « xôi linn », nghĩa là vì mầy nói bậy, phải « xin lỗi người ta, chớ gì ! ».

Từng con xẻn lên, cần nhắc : hày lá ! thầy hại, may khon thôi, ông pan taánh chết ten-tổ ngộ dôi ! (thầy hại, may không thôi ông ban đánh chết tiên-tổ ngộ rồi !) Thiếu choóc nữa xầy cái lô-bô lá ! (thiếu chút nữa, xầy cái lô-bô, lá ! !).



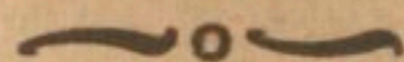
◆ XIN LƯU Ý ! ◆

Ngoài cái thú vui cười đùa bỡn, vì lương-tâm chức-nghiệp (quốc-văn giáo-sư), vì lòng nhiệt thành đối với tương-lai Việt-ngữ, nên trong quyển này, tác-giả rất trân-trọng, cần-thận, kỹ-cang từ mảy-mún về lối thảo (orthographe), đến dấu hỏi (·), ngã (~), ả (-), ấ (ˆ) cũng phân-biệt rõ-ràng, có thể giúp đồng-bào cùng khách ngoại bang học tiếng Annam, viết quốc-ngữ được hoàn-toàn đúng-đắn.

Vậy! muốn viết trúng tiếng nước nhà, thì nên để ý xem sách này cho kỹ-lưỡng mới thấy rõ vui, ích lưỡng toàn.

Văn Khôi - Hải

Xưa, dân-tộc Việt-Nam là một « dân-tộc văn-sĩ », bất luận nhứt cử nhứt động chi chi, hay trong lúc nhàn rỗi, du sơn du thủy, hoặc du-ngoạn nơi danh lam thắng cảnh, ngẫu hứng sinh tình, cùng khi rượu thần hưng chí, thì thơ thánh tuông ra như suối chảy, ro-re róc-rách, du-dương ngâm vịnh, lãnh-lót hát ca. Lại các quan ta, lúc rảnh việc triều-chánh, và mấy tay văn-hào, thi-bá cùng làng nho-học, khi trăng thanh gió mát tữu hậu trà dư, thường lấy văn-chương làm thú tiêu-khiển thanh-cao, khi bốn-cột, lúc gheo nhau rất cố duyên, nhờ vậy mà lưu-truyền cho ta được chút ít văn vui, khôi-hài ngộ-nghĩnh, trớ-trêu tức-cười :



I — NÓI NGƯỢC.

Con mèo ra đồng ăn cỏ, Con dê vô bếp cạy nồi.
Ông già tám mươi năm trong nồi.
Con nít nên ba chống gậy đi dạo.
Gái hoa nương thí phát trọc đầu
Ông thầy sãi tóc dài phết đất.
Con cóc đập chết con voi.
Trứng gà tha quạ, lên ngồi cội cây.
Con trâu hay vồ, hay cắn.
Con chó hay bán, hay cày.
Chuồng-chuồng hay cắn, chó đậu hàng-rào.
Chim nháy xuống ao, cá bay lên núi.
Trơn-tru trái mít, gai gốc trái dứa.
Người nằm đồng rơm đê giường cho chó.
Quan sang thì khó thất-nghiệp lại giàu.
Lươn nằm cho trúm bò vào, mấy con cào-cào đuổi bắt cá rô.
Cây lũa nháy lên bắt bò, cây sậy, cây lác rình mò bắt trâu
Gà con đuổi bắt điều-hâu, đến khi lạc mẹ biết đâu mà về.

II — CHƠI TRẮNG — 1 Cho.

Ông trắng, ông trắng, xuống chơi cùng tôi !
Chơi với ông chánh, ông chánh cho mõ ;
Chơi với nồi chõ, nồi chõ cho vung ;
Chơi với cây sung, cây sung cho nhựa ;
Chơi với con ngựa, con ngựa cho an ;
Chơi với nhà quan, nhà quan cho bạc ;
Chơi với thợ giác, thợ giác cho bầu ;
Chơi với cần câu, cần câu cho lưỡi ;
Chơi với cây bưởi, cây bưởi cho hoa ;
Chơi với cây cà, cây cà cho trái ;
Chơi với con gái, con gái cho khăn !

— 2 — Trả

Trả khăn cho gái, trả trái cây cà ;
Trả hoa cây bưởi, trả lưỡi cần câu ;
Trả bầu thợ giác, trả bạc nhà quan ;
Trả an con ngựa, trả nhựa cây sung ;
Trả vung nồi chõ, trả mõ ông chánh !

III — VỖ TAY

Vỗ tay, vỗ tay, bà cho ăn bánh, không vỗ, bà đánh trên
tay ;
Vỗ tay, vỗ tay, bà cho ăn xôi, không vỗ, bà lôi xuống
bầu ;
Vỗ tay, vỗ tay, bà cho ăn thịt, không vỗ, bà địt trên tay ;
Vỗ tay, vỗ tay, bà cho ăn mía, không vỗ, bà bắt tia con đi !

IV — XAY LÚA

Xay lúa, xay lúa, cò-ke, cùc-kit, tôi là con nit, tôi chẳng
biết xay ;
Đánh tôi một chày, năm ngay cán cuốc !

V — RẺ DỮ

Xắn quần cho gọn, bới tóc cho cao ;
Đá mẹ vợ xuống ao, cho biết tài chàng rẻ !

VI — DÂU HUNG

Hai tay cầm cái búa đồng, hỏi dọa mẹ chồng, có sợ tôi
không ?
Con ôi, mẹ sợ phát run ! Con đừng có nói mẹ chun
xuống sàng.
Mẹ chun, con cũng chun theo, con lấy kéo-nèo, con kéo
mẹ ra !

VII — THƠ BÔNG - LÔNG

Trước gởi lời thăm ai không biết ; sau ngỗ thăm bạn ngọc
bông-lông.
Kể từ ngày đó bắc, đây đông, lòng chẳng tưởng, không
thương, không nhớ.
Bậu với qua, không duyên, không nợ ; qua với bậu như
Sở với Tề.
Sống dương-gian không thể nằm kề ; thác âm-phủ xin về
đôi ngã.
Nhà huyên ấy, vốn là mẹ gã ; thung đường này, ấy thật
cha ta.
Gâm hai đàng chẳng phải sui-gia , xem đây đó, người
dung khác họ !

VIII — NHÁI THẦY-PHÁP ĐỌC THẦN CHÚ

Cà-cuống bay cao, cáo cáo bay thấp ;
Cu-cu đương ấp, trờ mỗ về trời ;
Nghe tiếng thầy mời, về ăn thịt chó !

Kén Rẻ

Ông phú-hộ kia, ruộng đất cò bay thẳng cánh, nhà cửa chó chạy ngay đuôi, tòa ngang dãy dọc. Nhưng thế thường được hào của, kém hào con, nên mặc dầu ông năng làm việc phước-thiện, cầu tự mấy niên, mặc dầu mỗi tháng ông bà đều hành hương lễ phật, ước ao khao-khát, cầu cho bà thọ-thai, trở sanh chồi quế, (1) nhưng vô hiệu-quả, chỉ nở ra một đóa hoa đào, (2) nhưng có chút may-mắn, là một đóa hoa-khôi, (3) khác nào hắng-nga giáng thế, tiên-nữ hạ phàm. Tuy mộng hung (4) thất vọng, ông, bà cũng khuây-khoả cơn sầu. vì cô gái lớn lên càng tăng vẻ yêu-kiều diễm lệ, tướng chừng Tây-Thi tái thế (5) Bao-Tử hườn sanh. (6) Thật là : phù-dung như diện, liễu như mi, (7) miệng cười như hoa nở, mắt liếc tợ sao băng, tóc mây da tuyết, lại khôn-ngoan đoan chánh, thêm thi phú tài tình, mà tiết sạch giá trong. khác phường tục nữ. Thế cho nên « im-lìm trướng rủ màn che, tường đông, ong bướm đi, về mặc ai ! ». Ông, bà phú-hộ qui như ngọc, tung-tiêu hơn trứng mỏng, đình kén rẻ đông-sàng, (8) cho đáng công sanh dưỡng, xứng lượng sắc tài, mà đều chí yếu, ông

(1) Sanh con trai. (2) Để con gái. (3) Gái đẹp tuyệt trần. (4) Chiêm bao sanh con trai, mơ-ước sanh con trai. (5) Tây thi đầu thai lại. Tây-thi, bóng sắc tuyệt vời, là gái nước Việt. Sau vua Việt-câu-Tiền đem dung cho vua nước Ngô là Ngô-phù-Sai (mĩ nhưn kế). Vì đả sắc, mà Ngô-phù-Sai bị Việt-câu-Tiền bắt và cướp nước. (6) Bao-Tử, gái đẹp nhưt đời nhà Châu, là ái-phi của Châu U-vương, thiên-tử nhà Châu. Vì mê sắc mà U-Vương cũng bỏ mạng và mất nước. Rõ-ràng : sắc bắt ba đào, dị nịch nhưn ! (7) Mặt đẹp như bông phù-dung ; mày mỏng-mảnh như lá liễu. (8) Rẻ tài. Xưa, ông quan kia, đến thăm nhà bạn có nuôi học-trò. Ông thấy bao nhiêu học-trò, ăn cơm rồi, đều chuyện văn chơi-bời, trừ một gã thanh-niên kia, ăn rồi cứ nằm tại giường phía đông mà đọc sách. Ông đoán biết anh này về sau lập nên danh-phận, liền gả con cho. (đông-sàng giường phía đông).

gả bắt rề. Lật-bật, trải mấy độ xuân lại, hạ qua, thu sang, đông đến, cô đã đôi tám xuân xanh, cảnh tơ môn-mởn, cảm-dỗ yển oanh, nhưng mặt phàm, nẻo dễ đến thiên-thai (9).

Bữa kia, ác vàng vừa lổ bóng thoát-nhiên có ba gã thanh-niên đến một lượt, xin dự-thí « khoa thi kén rề ». Ba người đều tài mạo khác nhau: một nho-sanh (10) hình-dung tuấn-tú diện mạo phương-phi cầm kỳ nổi tiếng, thi họa lừng danh; — một tay thiện xạ (11) bộ-tịch vạm-vỡ, khí-tượng hùng anh, có tiếng tràng-an như hổ; (12) — một gã lịch-sự như Hà-bá, mặt tợ Quốc Tri, nhưng hễ người dị tướng, ắt là tài cao, anh ta đã từng giựt giải quán quân « khoa thi chạy », mà thật anh chạy như tên bay, chim theo khôn kịp, ngựa sãi khó truy, chạy thoi mắt dạng, chạy đến nổi giông, dầu cho « mặt nước để cây kim, chạy đi, chạy lại cây kim chưa chìm ».

Ông phú hộ niềm-nở mời ba vị thanh-niên an tọa, giải lao, rồi hỏi thăm tên họ, quê nhà cùng tài nghệ. Vừa tàn điệu thuốc, ông đứng dậy, gương mặt nghiêm-chỉnh, tuyên-bố: « khoa thi khai mạc ». Với giọng hùng-hồn, tỏ rõ, ông ra cho gã thơ-sanh một trăm đề-thi tứ-tuyệt, (13) — biểu tay thiện-xạ phải bắn rụng hết lá cây gòn trước sân, đoạn sai anh « ngựa-người » quất ngựa chuối ra tràng-an (14) cách xa trăm dặm, mua một cái trống châu, vác chạy về, hện ai rồi phận sự trước, sẽ được phỉ nguyên sánh phụng, đẹp duyên cõi rồng. Nói đến đây, ông đắc-chí, chúm-chím cười

(9) Cảnh tiên. (10) Học-trò nho. (11) Tay bắn giỏi. (12) Cọp bạng nhưt tại kinh-đô, là người tài xuất-chúng. (13) Thơ bốn câu, ba vần. (14) Đi bộ ra kinh đô.

Linh « nhạc-phụ tương-lai » (15) truyền rồi (dầu được, hay xi-hụt, cũng gọi càng « nhạc-phụ », tổn kém, lô-lã gì mà sợ ! há ! há !) ba người dạ rân, xá sàu, rồi thi hành tức-tức.

Trong ba thí-sanh, chỉ có anh nho-sĩ sung-sướng nhất, được ngồi trong nhà, mát-mẽ, còn hai chàng kia thì phải dan nắng lao lực, vất-vả.

Hoàng-hôn vừa ảnh dạng hường, kế thu-không điếm trống, thì ngọn bút tài hoa đã trở được chín mươi chín bài, chỉ còn một bệ nữa. thì cờ sẽ về tay mặc tình phơ-phất (16). Ngó ra trước sân, thấy lá gòn vẫn sum-sê trên nhánh ; lòng tay nghe, thì tiếng trống vẫn im, thi-sĩ ta vững bụng, chắc thế nào hoa cũng về mình ; lại khi ấy, « cô nó » trong buồn lén hé màn ngó trộm, đếm thấy còn thiếu có một bài, lòng xuân phơi-phới, vì, nói cho đúng, « cô ta » « thấy cậu nó » hình dung chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng, đã phải lòng từ sớm, nên rót một chung trà, — trà nhứt hạng, hiệu « con khỉ », — bung ra mời « cậu nó » giải lao cho khoẻ, — mà thiệt, dầu mệt le lười, nóng toát mồ-hôi, cũng phải khoẻ, phải mát rượi kia mà !! Cậu ta liếc mắt đưa tình, cười mơn, rồi vừa ngó cô với cặp mắt dịu-dàng đầy vẻ yêu đương vô hạn, vừa ngâm gheo một bài :

Nhứt lạc, mộc miên, điệp vị hi,
Trường-an, bẽ cổ, vị tăng qui !
Bá thi ước thảo, hườn dư lực,
Thục khán đoan trà, thị ngã thê !

(15) Cha vợ về sau. (16) Tục-ngữ : cờ về tay ai, thì nấy phất, nghĩa đây là được vợ.

Nghĩa là :

Gòn lá sum-sê, bóng ác tà,
Nói chi đội trống, hỡi còn xa !
Trăm bài kể chắc đà dư sức,
Nhắm kẻ bung trà, thiệt vợ ta !

Vừa đọc dứt câu chót, cậu ta nghe tiếng trống vắng-vắng, biết thằng « ngựa-người » khốn kiếp về phá đám mình rồi, mà lạ sao ghê sao thằng quỷ nó chạy mau quá đỗi : trống châu vừa nghe nhỏ ri xa xa, chưa kịp nháy mắt đã nghe « ình ! ình » bên tai, làm cho cậu ta điếc con rái, dụt mình, loạn óc, tay run bầy-bầy đến rớt bút. Thôi rồi ! không ăn-trót, cũng ăn trượt. Thế nào cũng xí-hụt.

Cô ta thấy hi-vọng bị tiếng trống đánh tan-tành, liền đọc trả lại cho cậu ta một bài tứ-tuyệt, nửa mỉa mai, nửa âu-sầu thương tiếc : -

Ký âm, ngã lai huòn ngã trản,
Trường an bẽ cổ, dĩ bồng bồng !
Hữu duyên, thiên lý năng tương ngộ,
Vô duyên, đối diện bất tương phùng !

Nghĩa là :

Uống nước trà rồi, trả chén đây !
Trống châu về tới, đánh vang đây !
Có duyên, trăm dặm nên đôi bạn,
Không nợ, gần nhau, khó hiệp vầy !

Thế là : trai mặt lợt đen sì, sánh với gái da trắng nõn-na, đôi màu chói-lọi, hắc bạch rõ-ràng. Thật ông tơ các-cớ, bà nguyệt trớ-trêu, bộ hết chỗ chơi, nên rủ nhan rấn-mắt.



Cái kiến báo hại.

Anh kia sanh trưởng nơi « khỉ ho, cò gáy ». năm tối chỉ cầm cui trồng khoai, tía bắp, tánh nhút-nhát, ít khi ra chợ. Huê lợi đến kỳ, có bạn hàng đến mua, hay anh đổi lấy gạo, đường, muối, mắm, cùng các vật dụng, thành thử anh không cần, và cũng không muốn đến chốn thị-thành náo-nhiệt xáo trá, hóa ra tánh tình chất-phác, ít-oi. Mẹ vợ và vợ anh cũng vậy, cả nhà đều quê rất đời quê, không nhiệm văn-minh mây-may nào.

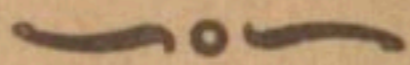
Năm kia, khoai, bắp trúng mùa, lớp đời chác, lớp bán lấy tiền, xu, các nhóc « hồ-bao ». Tiền quá nhiều, mới sanh sự, trong khi no ấm còn này, nọ, kia. Anh ta tự nghĩ : « trên mười năm rồi, mình không hề lia chơn khỏi đám rẫy giữa chốn rừng xanh, bị vậy mà mình quê mùa, dốt nát, chỉ quen với thú chim kêu, vượn hú quanh năm. Thật chán quá ! Nay bạc tiền nhóc-nhách, ta nên bạo gan ra tỉnh-thành chơi một bữa cho phải chí, luôn dịp học khôn : đi cho biết đó, biết đây, ở nhà với vợ, biết ngày nào khôn ». Nghĩ xong, anh ta hừng chí, quăng cuốc, chạy ra bờ sông tắm rửa cho sạch phèn, rồi vô nhà diện bộ đồ mới, từ giã mẹ vợ cùng vợ mà đi.

Đến nơi phiên-hoa đô-hội, ban đầu anh ta còn khộp, ngực đánh lô-tô, đi đứng không vững, bộ lừng khừng chết đời thấy chi cũng ngạc-nhiên, đứng chơn ngó sửng. Đi ngang tiệm bán kiến soi, anh ta thấy rục-rỡ chóa mắt, đứng lại nhìn trân một tấm kiến trót nửa giờ, miệng mở tác-hoác mà không dè, ruồi đậu, muỗi cắn cũng chẳng hay, xem thôi mê-mết, bụng khen thầm : « lạ dữ be ! sao lại có thẳng nào ở trống Á ! lạ quá ! mà sao nó lại cầm họng ! mình nói thì nó nhóp-nhép miệng ; mình cười nó cũng cười, mà không ra tiếng ! Ủ, thiệt kỳ, mình làm gì,

nó cũng nhái in hịch, chắc nó giỡn với mình chớ gì ! Ừ sượng, mua về chơi ! » Vừa nghĩ trong bụng, vừa ngó mê man tấm kiến cặp mắt trừng lên, ngó xuống, liếc qua, đảo lại, méo miệng, nhăn răng, thấy thằng trong kiến cũng nhái y vậy, anh ta khoái lắm, định vô mua, mà thấy tiệm quá trang-hoàn sạch sẽ, gạch bông láng mượt, anh ta khóps, lui ra, nhưng muốn « vật ấy » lắm, nghĩ tiếc mà vừa dợm bước vô, thì lạ sao, ngực nháy thỉnh-thìch, hồi-hộp, lại trở ra, như vậy đến năm lần. Sau cùng, anh ta cương quyết, bậm môi, mạnh dạn vô tiệm nhưng trái tim vẫn đập mạnh đến đôi muốn banh ngực vọt ra. Giá cả xong xuôi, anh căn dặn chủ tiệm gói giùm thật kỹ, rồi giấu trong áo, trân trọng ôm về, mắt ngó láo-liên, dường như ăn-cắp, ăn trộm gì vậy, xem rất tức cười :

Đến nhà, anh chưa chịu cho ai biết, sợ rớt bễ, muốn coi tham một mình, vừa giấu kiến, vừa lẹ bước thẳng vô buồng, khép cửa lại. Chưa kịp thay đồ, anh nằm khệnh xuống chõng, lật đật mở gói ra, trước còn nhắm xem mê-mết, sau đến nói chuyện, cười giỡn với « thằng nào » trong kiến. Vợ dọn cơm rồi, réo anh ta, kêu thôi hồ-lơ hồ-dực, kêu khô nước miếng, rất cuống hợng, mà anh cũng không nghe, vì mê man tấm kiến. Vợ sanh nghi, nhón gót, nhẹ-nhẹ đến, lén hé cửa phòng ngó vô, thấy anh ta đang cười cười, nói nói, nổi cơn ghen, a vào chụp lấy cái kiến, thấy mặt mình trong đó, tưởng chồng đem vợ bé về, liền eo-éo la lên, dầy-nầy giậm chơn kêu than khóc lóc, mắng chồng thậm tệ, om cả nhà, rùm cả xóm. Bà mẹ vợ nghe vậy chạy vào, bộ tịch lảng-xãng, hỏi lia, hỏi lia : « đầu ! đầu ! con nào đầu, chỉ tao coi, con nào mà nó mê dám bỏ cơm, bỏ nước ». Vợ anh ta vừa đưa kiến cho bà xem, bà liền trề môi mắng rằng : « Ý mèn đéc ơi, tưởng đầu tiên sa, phụng lộn gì, thì nó mê cũng phải, cái này, coi ! coi kia ! cái con đĩ già, tuồng mặt như mặt

ăn địt, bộ miệng như lỗ đít gà, mà nó mê nổi gì, mới chương đời chớ ! » Chị nọ nghe nói « đĩ già », lấy làm lạ, lại chen đầu kề nhau, liền ré lên : « Úy ! cháu cha mệt ời ! nó nich luôn hai mẹ con con đĩ già kia mà ! phải chi một mình con đĩ già, cũng còn phước đức ! ».



Ăn mày trúng số, Nhảy điệu tăn-gô (*tango*).

Người ăn-mày kia, què một chơn, tay chống gậy, tay niu cái bị vác sau lưng, sớm ra thành-phố, chiều về thảo-lư, (1) ngày ngày cớm nước, xài phí rồi, cũng dư được năm ba xu. Thấy láng diềng có vài người trúng số, kể năm trăm, người một ngàn, rất thềm-thường, định tiện tặn bỏ ống, quyết mua cho được một tấm giấy số, họa may trời ngó lại sẽ thoát kiếp ăn-mày.

Năng thuyết, năng hành, anh liền cưa một khúc tre, làm ống bỏ tiền. Xong xuôi, anh hăm-hở bỏ vào năm xu dẫn ống « lấy hên ». Anh trì chí lắm không ngày nào quên nhét xu vào lỗ ống, kỳ đúng một tháng mới trút ra, rồi khi-khái thề bỏ mạng : « thắng nào trút ống sớm, ôn-dịch vật nó, cô-hồn lều nhẵn nó ». Thề gât củ kiệu, mà ! Nhưng nghĩ lại giựt mình, bụng bảo dạ rằng : « ê ta ! giữ mình, nghe ta ! đất nước này linh lắm đa ! chú mày dám thề, thì chú mày phải coi chừng, nghe ! đừng có lang bang mà chết không hay, không lỗ chôn, không hòm đậy, chừng đó xác « thắng què » này phải trôi sông, cá lòng-tong rĩa nhột lắm, đa ! ».

Rất may cho anh : ôn-dịch không vật, mà cô-hồn cũng không móc mắt, vì anh biết sợ đúng một tháng « ba mươi ngày » mới khai ống, lại cẩn-thận, chờ đúng 12 giờ khuya

(1) Chòi tranh.

mới dám trút ống, sợ rủi sớm vài giờ, thì tánh mạng nan tồn, cô-hồn linh lăm chớ ! không khéo, chết bỏ mẹ mồ-côi, phải lơ-mơ đâu, mà dễ-ngươi.

Trút ống được một đồng ba bạc xu, lòng mừng khắp-khởi, thấy tinh-thần tráng kiện, xác thịt nhe-nhàng, phổi phổi như cỡi mây nương gió, anh chụp lấy « ba-ton » (trước, mình cùn cần mặt kiếp, gọi nó là « cây gậy », nay có đường, kêu nó là « ba-ton », nghe rôm hơn) lập-tức « quất ngựa què », hè ! một tiếng, thẳng riết tràng-an, toan mua giấy sớ.

Từ ngày mẹ đẻ, què trong bụng què ra, què la, què lết, què hết một chơn, cho đến ngày nay, không khi nào anh đi mau lẹ như lúc này, dường như chí hăng-hái, lòng sung-sướng có một mảnh-lực huyền bi làm cho anh quên « cái què » của anh. Ai thấy cũng ngạc-nhiên, thêm tức-cười : anh đi mau gấp ba mọi lần, tiếng gậy chổng « cộp ! cộp ! » liên tiếp đưa với tiếng « sặc ! sặc » của cái giò què kéo xà-lết, tung bụi mịn đường, làm cho hai bên phố, người người đều chạy ra xem, rồi chỉ anh ta mà sầm-sĩ sầm-sĩ, kẻ cười khúc-khắc, người cười hả hả, đưa lại vỗ tay, nghe rùm cả xóm. Không dè cuộc hành-trình của « ông què », mà làm cho công-chúng lao-nhào lỗ-nhố, chủ-ý, hoan-hô đặc-biệt đến thế ! Nhưng ai chê cũng mặc, ai cười cũng thây, anh cứ dõng-dạc tiến tới, quyết đi đến mức ăn thua !

Khốn nỗi ! anh ta dốt như « mít đặc ». Đến nơi, không biết at, giáp gì, cứ trả một đồng bạc, nhắm mắt lấy đại một số, miệng vái lăm-dăm, có lẽ vái cô-hồn cho trúng « độc-đặc trăm ngàn », sẽ cúng một nải « chuối cơm » tiễn rười. Mua rồi, anh gói hai, ba lớp giấy, trân-trọng giấu kín trong bị, óc chứa-chan hi-vọng, mặt rục-rỡ hân-hoan, tức-tốc quày quả ra về, không thềm đi xin, nghỉ ăn mừng một bữa.

Về nhà, anh mượn một bạn lối xóm biên giùm số trên mảnh giấy, rồi giao giấy đó cho người ấy mà nói rằng : « tôi dốt-nát, xin cậy anh, đến ngày xổ số nhớ dò, rồi cho tôi biết, nếu trúng bất luận bao nhiêu, tôi cũng « rán phình bụng » đền ơn anh « một cắc rưỡi ». Anh nọ nghe nói phát dóa, háy một cái, hứ ! một tiếng, rồi gậy : « bộ anh giỡn sao chớ ! ai đời trúng năm, ba trăm, một, hai chục ngàn, mà thưởng có một cắc rưỡi, he ! ! Cầu lấy hai « con công » (giấy năm đồng), biết tôi chịu chưa, mà ! » Anh ta năn-nỉ khô nước miếng, người kia mới chịu năm đồng. Nhưng đó là hứa bông-lông, chắc gì trúng số, chắc gì được thưởng !

Đến kỳ xổ số, anh ta quên lửng, mang bị đi xin như thường ngày. Chiều, anh lui-thủi về, đến giữa cầu, gặp anh hàng xóm hơn-hở chạy lại cho hay rằng anh trúng số « hai chục ngàn » Ôi thôi ! chi xiết nổi mừng, anh tinh thầm : « trước cực khổ, nghèo hèn bao nhiêu, thì nay sung-sướng giàu sang bấy nhiêu ! Mặc tình ta mua bát ca xang, ăn sung mặc sướng, mua đất, cất lầu, sắm trâu, tạo ruộng, có thể lên mặt « phú-ông » cho bỏ ghét láng-diềng khinh thị ! Vừa giàu, vừa sướng, vừa sang, thêm xóm, làng, kính nể, hết nhạo-báng « thẳng què », không còn chê « thẳng xách bị ». Sung-sướng biết bao sung-sướng ; hiển-vinh chi xiết hiển-vinh ! » Nghĩ đến đây, anh ta hưng chí đến đôi nháy cà-túng, rồi ôm gậy nhảy dầm, nhảy điệu tăn-gô, Dè đâu lúc múa men kịch liệt, rúi sút tay, bị rớt xuống cầu. Phải cái bị không, thì anh ta đầu kê, ngật trong đó có tờ giấy số Anh ta thất thanh linh-quính vói chụp, lại nhủi đầu té luôn xuống nước. Sông sâu, nước chảy, giò què, lội sao được, chắt chết mười phần. May nhờ thuyền chài gần đó, vớt lên, khỏi chầu bà thủy.

Thật đáng thương hại, mà cũng phải nực-cười : nghèo chưa từng thấy của ; tiền chưa cầm tay, mà đã mừng quinh, nhảy múa quá hăng hái, đến nỗi hồng ăn ! Rõ-ràng là :

Ăn-mày trúng số, nhảy điệu tăn-gô.

Ô hô ! rớt bị, rối trí chụp theo ;

Lộn mèò, té « chũm », xi hụt « phú ông ».

Ấy là : Chém cha ! cái số ăn-mày, — Thoát ra lại bị lưới chài kéo vó.

« Ăn côm dôi « leo ca-ay », lá ! »

(Ăn côm rồi « leo cây » lá).

Mái-chính Tẻn, bên Tàu mới qua được hai tháng, chưa rành tiếng annam, lẽ tất nhiên. chưa rõ phong tục Việt-nam. Liá quê cha đất tổ, đến tha bang làm ăn, dầu trong túi có tiền ngàn, bạc vạn, cũng không khỏi ngùi-ngùi buồn thảm, vì tứ cố vô lân, biết ai cùng can tràng tổ nội, ý kiến luận bàn. Thời may ! lúc ở một khách-sạn Chợ-lớn được một tuần, mái-chính gặp bạn đồng hương là « chú Xám », đã qua đây trước mình trót ba tháng mở một ngôi hàng tạp-hóa tại đường « Quảng-tống-cái ». Tha-hương, ngộ cố-tri, (1) mừng rất đôi mừng, lời tan thiệp, nổi hàn huyên, cười cười, nói nói, hỏi thăm chỗ ở, rồi người bạn liền mời đến ở chung với mình cho tiện, mà tiện thật : hai cậu là thanh-niên mới lớn lên, cùng chủ-nghĩa « độc-thân » (một mình, không vợ) lại đồng bịnh tương liên, bịnh hảo ngọt, thích « kiếm mùi ».

Ma cũ dắc ma mới, Xám thường dẫn Tẻn đến xóm « Bình-khang » (xóm chơi bời), lần lần quen nước quen cái, mái-chính quuyến-luyến với một « gã ăn sương » hiệu

(1) Làng lạ gặp người quen.

là Thu-Nguyệt. Đáng khen bực tao-nhơn, mặc khách (2) nào khéo tặng cho cô cái mũ hiệu vừa đầy văn-chương thi thú, vừa hấp vơi gương mặt của cô nở-nang đầy-đặng, rực-rỡ như trăng rằm trung thu, lại đôi khi lộ vẻ đa sầu đa cảm, như cảnh thu thâm-đạm.

*Miệng-mài trong cuộc truy hoan,
Càng quen thuộc nét, càng dan-diu tình.*

Mái-chính cảm thấy mình không thể giờ phút nào lia người yêu được, mới toan chuộc về làm vợ, liền mạnh dạn ngỏ ý với « mũ tào-kê ».

*Mũ càng tô lục, chuốt hồng,
Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê!*

Mũ đòi năm trăm, lại kèm thêm một trăm nữa đặng làm lễ tơ-hồng cho xứng đáng, chuốt-ngọt rằng : « mái-chính là bực thượng-lưu phú quý, nếu âm-thầm, ai biết tuổi tên. Muốn làm vẻ-vang cho mái-chính, tôi mới chịu cực sắp-đặc lễ cưới này cho lộng-lẫy, đủ lễ, đúng phép, gọi là mừng cho mái-chính cùng Thu-Nguyệt được tám chữ « loan phụng hòa minh, sắc cầm hảo hiệp » (3) và luôn dịp chúc cho vợ chồng mái-chính được « phước như Đông-hải, thọ tử Nam-san » (4) (chắc mũ này, lúc nhỏ, cũng tấp-tễnh đèn sách nơi cửa Khổng, sân Trình (trường học nho), chớ phải lơ-mơ đâu ! hèn chi mũ nói chữ nghe giòn quá !) Mái-chính không mấy hiểu, nhưng nghe giọng nói rôm như pháo nổ, ngọt tợ mật ong, giòn quá bánh trắng, cũng hưng chi « cảm-ân ! cảm-ân ! » (cảm ơn), gặc đầu lia-lịa, rồi nói : « phải lớ ! pà tính dầy, cái này hầu tốt, lá ! hà ! hà ! cảm-ân la-ấm » (bà tính vậy, cái này tốt lắm, lá !)

(2) Người tao nhã (thi sĩ), khách văn-chương. (3) Loan, phụng hòa tiếng kêu với nhau, tiếng đờn sắt, đờn cầm hiệp lại, nghe hay (hòa-thuận, may-mắn). (4) Phước như biển Đông, sống lâu tợ núi Nam.

Mái-chính nóng-nảy, nên bữa sau, đúng bảy giờ tối, làm lễ cưới. Thay vì làm lễ từ-đường, mái-chính và Thu-Nguyệt phải lạy « thần mây trắng », rồi lạy « nhạc-mẫu bù-nhìn » là mẹ « Tú-bà tái sanh ». Tuy mẹ ta « quá niên trạc ngoại tứ tuần » (trên bốn mươi tuổi), mà vẫn còn sức hăng-hái trẻ trung, lại ưa bày chuyện rắc-rối khôi-hài xảo-quyệt, nên lễ xong, muốn gây một trò cười cho hai họ (họ đang trai chỉ có chú Xám và vài thiếu xâm, coi lỏn-chỏn chết đời ! họ đang gái gồm vài mẹ « tào-kê » cùng mấy ả mây ngài) và lường gạt « con mồi to béo », mẹ liền buộc mái-chính phải « leo cây ».

Cậu « con trời » (le céleste) nghe nói quá khó-khăn rắc-rối, dụt mình, la rằng : « há ! leo ca ay, leo ca-ay ! cái gì leo ca-ay ! » Mẹ làm bộ tỉnh-táo nghiêm-trang, hỏi rằng : « lạ không ! nói vậy mái chính chưa biết phép đám cưới annam à ! » Mái-chính trả lời : « thiệt ngộ khon piết mà ! » leo ca-ay ! leo ca ay ! há ! cái gì kỳ-cọc quá mà ! » Mẹ giải rằng : « theo phong-tục annam muốn cho vợ chồng ăn ở bền bỉ hoà thuận, và làm ăn khá, thì sau bữa tiệc, chàng rể phải « leo cây ». Trồng một cây trụ trước sân, cao lối bốn, năm thước, trên chót phất phơ một mảnh lụa điều gọi là dây tơ-hồng ». Chàng rể leo lên giựt được dây ấy, thì là điềm may-mắn, vợ chồng được « bách niên giai lão, thê ấm, phu vinh » (vợ chồng đẹp duyên, cùng sống trăm năm ; vợ no ấm, chồng vinh hiển) Nếu leo đến ba lần đều tuột xuống hoài thì nghĩa là « tuốt-luốt », xui lắm, cha, mẹ vợ không cho rước dâu, phải chờ ngày này, tháng này năm tới, mới được phép rước.»

Mái-chính nghe nói, rùn chí, chắt lưỡi, lắc đầu, than rằng : « há ! cái này chết cha ngộ đời, khó quá ! khó quá ! » Mẹ giả bộ nóng chí, khuyên rằng : « không sao mà ! làm cho đủ phép vậy thôi ! không khó gì mà ! mái-chính rần một chút thì được ». Cậu ta bót phập-phồng,

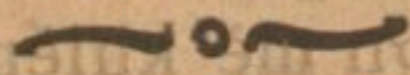
hỏi chừng nào leo cây. Mụ đáp : « ăn cơm rồi, leo cây. »
Chàng va nghĩ thầm : ăn cơm rồi, no nê, khoẻ-khoăn,
mạnh sức, lại thêm rượu vào, càng hăng-hái, thế nào leo
cũng nổi. liền mừng rỡ la lên : « há ! ăn cơm rồi leo ca-ay !
lược ! lược ! (được mà !) ».

Tiệc xong, anh ta hô lên, cho hai họ để ý chừng kiến :
« tới giờ (tới giờ) leo ca-ay ! tới giờ leo ca-ay ! », rồi cởi
giày, lột áo, hăm-hở thót lên cột cao, ôm thật chặt, mà
vì đã ham ăn, no tức bụng, nặng nề quá, phải tuột xuống,
lại rần nhảy cao hơn một chút, niu cứng cây cao, chơn
chõi mạnh, gượng lại, nhưng bị đít nặng, xây qua, xây
lại, sợ té, lại buông xuôi. Thế là hỏng hai keo rồi ! Mái-
chính ta mệt thở dốc lấy khăn lau mồ-hôi, nghỉ một phút
lấy hơi, lắc đầu than rằng : « chết cha ngộ đời ! chết ten-tô
ngộ đời !

(*Kiểm duyệt bỏ*) ».

Chuyện này kịch
liệt, liêu sanh tử anh ta nhún mình thật mạnh, nhảy vọt
lên, khỏi mặt đất lồi một thước, ôm riết lấy cây, nghỉ thở
vài hơi, rồi rần hết sức bình sanh. với tay phấn lên được
một thước nữa, mừng quinh, tưởng « có đường » rồi. vì
chỉ còn một thước, thì giựt cờ. Dè đâu thước cuối cùng là
thước yêu tinh độc hiểm. có thoa mỡ bò, anh ta vô tình,
phấn lia hai tay cho mau tới, ngờ đâu hai tay trượt hết,
chàng ta té ngã ngửa, nghe cái « bịch », đau quá, vừa la
« ải-ô ! ải-ô », vừa nhăn mặt, hit-hà, vò đít liên tu như
khỉ mắc phong. Ai nấy đều cười rộ lên làm cho « chú rề
xi-hụt » xén-lén, mặt bằng hai ngón tay tréo, lật đật mang
giày lại, tra áo vô, nhảy phốc ra đường, lui đầu đi về
một nước, miệng lảm-bảm : « téo mẹ họ ! khôn nạn quá !
ngộ thề có ông trời, nam tới thế nào ngộ cũng leo cho
lược,

(*Kiểm duyệt bỏ*) ngộ mới nghe, mà ! ».



VĂN KHÔI HÀI

LỤC SÚC TRANH CÔNG

Hay lắm ! hay lắm ! Vui thật ! vui thật !

Ấy là một quyển văn xưa kiệt-tác, khi văn hùng-dũng, đối đáp lanh lẹ, lời lẽ cứng cỏi, khôi-hài rất có duyên, tiếc vì không rõ danh tác-giả.

Lục súc tranh công, là sáu con thú nhà, trâu, chó, ngựa, dê, heo, gà, giành công với nhau, tranh hơn, thua rất kịch-liệt, con nào cũng có lý dẫu khẩu hùng-hồn. Thật là một áng văn vô-cùng thú-vị, hết sức tài-linh, nên lưu-truyền mãi-mãi.

Trâu mới nhọc, trâu liền thẩn-thĩ :
Một mình trâu ghe nổi gian-nan !
Lóng canh gà vừa mới gáy tan,
Chủ đã gọi thẳng chẵn vợi-vã,
Dạy rằng : đuổi trâu ra thảo-dã,
Cho nó ăn ba miếng đỡ lòng.
Chưa bao lâu thoát đã rạng-đông,
Vừa đến buổi cày bừa búa việc.
Trước cò đã mang bai cái niệt,
Sau đuôi thêm kéo một cái cày ;
Miệng đã giậm, mũi lại dòng dây,
Lưng mòng nút, dưới chơn đĩa cần.
Trâu mệt đã thở dài, thở vắn ;
Người không nghĩ, mắng ngược, mắng xuôi !
Liệu vừa chừng đứng-bóng mới thôi,
Đói hòa mệt, bước khôn dờn bước.
Ai thông-thả, trâu nào thông thả ?
Trâu nhọc-nhẫn, ai dễ thể cho !
Cày ruộng sâu, ruộng cạn cho no !
Lại vườn đậu, vườn mè khiến trở !

LỤC SỨC TRANH CÔNG

*Làm không kịp thở,
Ăn chẳng kịp nhai !*

Tắm mưa, chải gió chi nài ?
Đạp tuyết, giày sương, bao sá !
Có trâu, có tấm tơ, lúa má,
Không trâu, không hoa quả đậu, mè
Lúa cắt rồi, đã bắt trâu xe ;
Lúa chất lại cũng dành trâu đạp.
Từ tháng giêng cho đến tháng chạp,
Kể xuân, hè, nhân đến thu, đông,
Việc cấy bừa, nông-vụ vừa xong,
Lại xe gô, dồn công liên-khối :
Bất luận xe rào, xe củi,
Nhân đến loài phân, bồi, tranh tre.
Hễ bao nhiêu, nhứt-thiết của chi,
Thì cũng phú mặc trâu chuyên chở !

*Bao quản núi non hiểm-trở,
Chi nài khe suối dầm-dề !*

Đã cong lưng chịu việc nặng-nề,
Còn cay đắng những lời dức lác !
Ăn thì những rơm khô cỏ rác,
Ở quản chi ràn lằm tráp nê (1) !
Trâu dựng nên nông nọ, nổi kia ;
Trâu làm đặng căn trên, bồ dưới.
Nghĩ suy lại công trâu cho phải
Lẽ cho trâu thao lựa mặc dày !
Chẳng nữa thì quần vải, áo gai,
Không thì khố lưới cày, cũng khá !
Ăn cho phải, những cơm với cá,
Không nữa thì, rau cháu cũng nên !

(1) Chuồng dơ, ẩm-thấp.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

Đến mai sau, già cả, sức hèn,
Phải bảo dưỡng công trâu lao lý.
Khi mạng một, chẳng đơm, chẳng tế,
Lẽ sanh cư, tử táng mới ưng !
Thuở sống, đã không dạ yêu-đương,
Khi thác, lại đoạn tình siêu-độ !
Bảo nhau sắm con dao, cái rồ,
Khiến nhau vợ mở cùi, nắm nè, (1)
Kẻ thì rằng : tôi lãnh cái đầu ;
Người lại nói : phần tôi cái nọng ; (2)
Kẻ giành lòng bóng độn gối mà kê ;
Còn sừng đem về, ép thoi làm lược ;
Kẻ thì làm hoa tai, ngạt quạt ;
Người lại tiện chén rượu, bầu liêu ; (3)
Làm tù-và mà thối cũng kêu.
Tiện con cờ mà chơi cũng tốt.
Kẻ thì làm cái mõ, cái hộp,
Người lại tĩa cán quạt, cán dao,
Trâu gãm lại là loài cầm thú.
Phận phải sao chịu vậy, dám nài !
Trâu thác, thì công-nghiệp phải rồi,
Trâu sống, bèn kiện nài với chủ :
Không nhớ thuở bôi chuông đường hạ ? (4)
Ơn Tề-vương, vô tội được tha. (5)
Tưởng chung khi sức mỗn, tuổi già,
*Lời cổ-nhân còn dặn,
Sao ông chủ vội quên !*

(1) Tre chẻ nè, là tre mắt, dễ chụm. (2) Cái cổ mập-mạp (3) Bầu trống ruột. (4) Dưới thêm. (5) Xưa, đúc chuông mới, hay lấy máu trâu tô chuông cho khỏi nứt, tiếng thanh. Ngày kia vua Tề-vương thấy người dắc trâu, đem giết lấy máu bôi chuông. Vua thương xót dạy giết dê thế mạng.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

Cám Điền-Tử dạy con chó bán !
Chẳng nhớ câu di đức hành nhân,
Lại lấy chữ dĩ ân báo oán !
Nói chi nữa cho dài chuyện văn ?
Xin chủ cho nói thếp một lời :
N như loài muông vô tướng, vô tài, (6)
Nuôi giống ấy làm chi cho nhọc ?
Ăn cho lớn, dưỡng vai, dưỡng vóc,
Giỡn với nhau, vạch cựa, vạch sân.
Một ngày, ba bữa chực ăn,
Thấy đến việc, lánh mình bét-bét !

*Chưa rét, đà phô rằng rét,
Xo-ro đuôi quit vào tròn.*

Vậy bếp người, tro trấu chẳng còn,
Ba ông-táo, lộn dầu, lộn óc.
Chưa nắng, đà, nả dài thở dốc,
Lé lười ra, phỏng ước dư gang.
Lại thấy người lơ-đỉnh, lơ hoang,
Tài ăn-vụng, thôi thì hơn chúng !
N như muông biết cày trưa, bữa ruộng,
Thì muông kẻ biết mấy công ơn !
Muông, người cho ăn cháo, ăn cơm,
Trâu, người bắt nhai rơm, nhai cỏ.
Khi muông thác, tổng chung an thờ, (7)
Có gạo tiền cấp tâng toàn thân ;
Trách một lòng, chủ ở bất cân, (8)
Hậu hóa bạc, bạc đem làm hậu. (9)

(6) Muông là thú bốn chơn, đây là con chó, (7) Đưa đi chôn an phận, (8) Đàng trong hậu lai bạc đãi, đàng bạc đãi lại trọng hậu. (9) Bất cân là cân nhắc không công-bình.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

Muông nghe nói, giận vun phế phủ,
Liền chạy ra sửa mắng vang tai :
Trời đã sanh các hữu kì tài (10)
Lớn việc nặng, bé thì việc nhẹ :
Bởi sinh anh, cả vai lớn vế.
Thì chuyên lo nông-bôn bừa cày.
Vốn như tôi, ốm yếu chơn tay,
Cũng hết sức gia trung xem xét.
Trách, sao khéo thối lòng tim vít,
Giận, thầy lay vạch lá tìm sâu !
Ai ai đều phận thú như nhau,
Khẩn-khẩn, cũng một lòng phò chủ :
Kẻ đều kia, người thì việc nọ ;
Đưa coi ngoài, có đưa giữ trong.
Đêm năm canh, con mắt như chong,
Đưa đạo tặc nép oai khủng-động ;
Ngày sáu khắc, lỗ tai hắng trống,
Đưa gian tham thấy bóng cũng khinh
Lại đến ngày kì lạp tiên sinh, (11)
Cũng ra sức sẵn chồn, đuổi sóc (12)

*Bao quản luôn gai, lột gốc,
Chi nài chun bụi, lòn hang !*

Ăn, thì ăn môn sượng, khoai thiu,
Ăn, thì ăn cơm thừa, canh cạn.
Tới bữa ăn, chẳng luận ít, nhiều.
Có cũng rằng, không thì cũng chớ.
Trâu rằng trâu ăn rơm với cỏ,
VẬY mà còn có một thẳng chẵn,

(10) Mỗi người có tài riêng. (11) Ngày đám giỗ ông, bà, cha, mẹ của chủ. (12) Chó săn.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

Tổn áo quần, cùng tổn cơm ăn,
Lại tới, nón, gạo, tiền đàng khác.
Vốn như đây, gia-tài hủy ký, (13)
Mà chủ không tổn kém đồng nào!
Nếu không muông coi trước, giữ sau,
Thì của ấy về tay trộm cướp.
Khi sống, thì gìn giữ của đời,
Khi thác xuống, giữ cầu âm giới. (14)
Ai có phước, muông đưa qua khỏi,
Ai bất nhơn, qua chẳng đặng đâu!
Chủ đã có công dài ngãi nặng,
Muông dễ không tiếp rước đãi đưa! (15)
Thấy anh trâu chưa biết cày-do,
Nói vài chuyện, kéo ché muông đại!
Chủ nghe qua, khó nổi xử phân,
Thối thối! đừng nhĩ, ngã, thiệt hơn,
Phú lưỡng bạn dì nỏa vì qui (16).
Hai vật đã tương đồng hoan-hỉ (17).
Lại cùng nhau, ứng khẩu một lời:
Nhu luận trong công-nghiệp hai tôi,
Ăn có bữa, lo không có bữa.
Dám thừa người, bấu gì giống ngựa,
Mà trau-tria, nuôi nắng nhọc-nhần!
Ăn, cho ăn những cháu đậu xanh!
Ở, thì ở những tàu lợp ngói!

*Bữa bữa dạo chơi, tấm gỏi,
Ngày ngày chấn vó, hót mao!*

(13) Phú thác, gởi gắm. Chó giữ nhà. (14) Chó đồng giữ cầu dưới âm-phủ. (15) Chủ chết, chó rước đưa khỏi cầu địa-ngục. (16) Lấy hòa thuận làm qui. (17) Cùng nhau vui-vẻ.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

Sấm sửa cho, biết tổn chừng nào !
Suy tinh lại, dư trăm dư chục.
Sấm lá vả, sấm yên, sấm lạc,
Sấm chơn-đưng, hàm-tiết, dây cương !
Gãm giống ấy, nết-na giơn-giác,
Tinh khí coi, thấy cũng chàng-ràng
Tuy dung-nghi mọi vẻ nghiêm trang,
Song gia-sự (18), nhiều đều ngo ngoáo.
Chủ nuôi, không biết chủ là ai !
Nhà ở, chẳng biết nhà mà lại !

Dại không ra dại,

Khôn chẳng nên khôn !

Ngáo-ngơ như ốc mượn hồn,
Nuoi giống ấy làm chi cho rồi !
Ngựa nghe nói, tim gan, nổi phổi,
Liền chạy ra hăm hí vang tai :
Ớ ! này, này ! tao bảo chúng bày,
Đổ mặt ai dài bằng mặt ngựa !
Tao đã từng đi quán, về quê,
Đã ghe trận đánh nam dẹp bắc !
Mỗi gói, nung phò xã-tắc,
Mòn lưng, gùi đội vương công !
Ngày ngày châu-chực sân rồng
Bữa bữa dựa kê loan giá ! (19)
Vua Cao-Tổ năm năm thương mã (20)
Mới dựng nên cơ-nghiệp Lưu-gia, (21)
Ông Quan công sáu ải thoát qua, (22)

(18) Việc nhà. (19) Ngựa của vua. (20) Vua Hớn cao Tổ, năm năm không lia yên ngựa, đánh với nhà Tần, rồi tranh hùng với Sở Hạng-Võ, lập nên đời nhà Hớn. (21) Hớn cao Tổ tên Lưu Bang. Lưu-gia, nhà họ Lưu. (22) Quan-Công cầm thanh-long-đao cỡi Xích-Thố.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

Vì cây có Thanh-Long Xích-Thổ (23)

Đã nhiều thuở ngăn thành, thủ phủ,

Lại ghe phen đụt pháo xông tên.

Đàng xa xuôi ngàn dặm quan sơn,

Ngựa phi đê một giờ liền thấu !

Các chú đặng ăn no, nằm ngủ,

Vì có tao cần cán giữ gìn !

Khôn các chú, ở trong xó bếp,

Tài các người, ở chốn quê mùa !

Đừng ! đừng buông lời nói khật-khù

Bớt ! bớt thói ché ai giơn-giác !

Thật biết một, mà chẳng biết mười,

Chớ lấy lưng cây tài, cây thế !

Nghè ngựa nói, gẫm càng hữu lý,

Vậy chủ bèn phân giải một lời :

Đại, tiểu các hữu kỳ tài (24)

Vò đặc tương tranh nhĩ ngã (25)

Trâu với ngựa cùng muông, ba gã,

Mới ra ngoài phân giải với nhau.

Ngựa giận dê, đứng lại giây lâu.

Bèn phát trạng (26) kêu nài với chủ :

Dê với ngựa cũng là giống thú,

Chăn đồng chăn, nuôi cũng đồng nuôi !

Dê, chủ cho ăn nháy chơi bời ;

Ngựa, người bắt kị biều, luân tế.

Gẫm giống chi hữu đầu vô vĩ,

Hình con con, bụng lớn chang-bang ;

(23) Lúc từ-giã Tào-Tháo đi tìm Lưu-Bị, tướng giữ ải cản đường, ngài chém sáu tướng mà đi (quá ngũ quan, trăm lực tướng).
(24) Lớn, nhỏ đều có tài riêng. (25) Không được tranh nhau mây tao (tranh hơn thua).

LỤC SỨC TRANH CÔNG

Cáng-náng như đũa có hạ-nang,
Són-sác tợ con chàng, kẻ cướp.
Nghề tế, kiệu, coi đà xấu vóc,
Việc cày bừa, nhắm bóng cũng ươn.
Hễ thấy người thấp-thoáng đòi bèn,
Liền há miệng kêu la bé-hé !
Dê nghe ngựa nói dê quá tệ,
Liền chạy ra, vác mặt, vinh râu.
Dê nói rằng : ta đọ với nhau,
Thử anh lớn, hay là tôi lớn ?
Ai có tài, chủ ban, chủ thưởng,
Ai không công, tay làm, hàm nhai.
Chẳng dám ăn lúa má, môn khoai,
Không hề phạm đậu, mè, hoa quả !
Khuyên ! khuyên chớ nói ngang, nói ngựa !
Bớt ! bớt đừng ỷ thế, cậy tài.
Ai chẳng biết đuôi ngựa thì dài,
Dài thì để xua mòng, đuôi muỗi.
Vốn như dê, đuôi tuy vẫn-vỏi,
Dê cũng không mượn ngựa nối thêm !
Ngàn dặm trường, mặc ngựa khoe êm,
Ba gò sỏi, dê đã xong việc !

Việc dê, thì dê biết,

Việc ngựa, thì ngựa hay !

Bừa, cày, có thú bừa cày ;

Kiệu, tế, có muông kiệu tế !

Dê vốn thật thuộc về bộ lễ
Để dành khi tế thánh, tế thần.
Lại có thưở kì yên, kì phước.
Hễ có việc, lấy dê làm trước
Dê đứng vào, người mới lạy sau.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

Ngựa tuy rằng hình tượng lớn cao,
Tam sanh lễ, ai dùng đến ngựa ! (26)
Nhân đến ngày mạng tướng xuất sư (27)
Cũng lấy dê khăn cầu Tồ đạo
Ngựa nói ngang, mà chẳng biết suy,
Dê nào có thiếu chi công trạng !
Dê tuy rằng vô vĩ, vô đầu,
Quan phong chức trường tu chủ bộ (28)
Hèn như dê, ai mà dám đo,
Tiện như dê, qui bất khả ngôn. (29)
Ngựa khoe rằng ở chốn quyền môn (30)
Phong cho ngựa chức chi nói thử !
Ngựa nghe qua, tỏ đặng sự tinh,
Dê rằng bé, ai hay chức lớn !
Dê nói lại, tài dê cũng rắn ;
Ngựa thừa qua, sức ngựa thêm ròn !
Chủ phê cho lưỡng bạn t. ơng đồng, (31)
Chấp sự giả, các tư kỳ sự (32)
Lời tự thuận, hai đảng xong xả,
Dê phát ngôn bèn trở nại gà : (33)
Nuôi chúng tôi, lợi nước, lợi nhà,
Nuôi chi gà vô ơn, vô ngãi !
Thấy chủ vải đám ngô, vạc cải,
Túc nhau bươi, chết gốc, trốc cây.
Thấy người trồng đám đậu, giòng khoai,
Rủ nhau vạy, nát bông, nát lá.
Rất đổi thấy mái nhà lợp rạ.

(26) Tam sanh là ba vật đề tế thần, thánh : dê, trâu heo. (27) Tướng lãnh mạng ra binh. (28) Ông chủ bộ lễ râu dài. (29) Thấp như dê, sang chẳng khá nói (chẳng dám bì) (30) Cửa quyền, nơi quyền thế. (31) Hai bạn bằng nhau. (32) Ai lo việc nấy. (33) Kiện gà.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

Kéo nhau lên, vậ-vã tung-bưng.
Cho ăn rồi, quệt mỡ, sắp lưng.
Trời chưa tối đã lo việc ngủ.
Ba cái rít năm không yên chỗ,
Mấy bụi rau nào đề bén dây !
Cả ngày, thôi ! những khuấy những rây,
Nuôi giống ấy làm chi, vô lối ?
Gà nghe nói, nóng gan, nóng phổi,
Liền nhảy ra, chóp cánh, giương dầu,
Nầy ! nầy ! gà ngũ đức thâm sâu :
Nhơn, ngãi, tin, võ, văn gồm đủ.
Trên đầu đội văn quan một mũ (34)
Dưới chơn đeo hai cựa thần thương (35)
Đã ghe phen đến chốn chiến-trường.
Lập công-trận vang tai, lói óc !
Đã cứu nạn Mạnh-Thường đặng thoát, (36)

(34) Mũ quan văn: (cái mũ) (35) Cây thương thần: (cựa gà)
(36) Khi Mạnh-Thường-quân, là tướng-quốc nước Tề, đi sứ bên nước Tần, thì có hơn một ngàn tân-khách theo hộ-vệ, đi trên trăm cỗ xe (Mạnh-Thường-quân là người hảo-hón, trong dinh thường nuôi trên hai ngàn khách). Vua Tần là Chiêu-Trương-vương, biết Mạnh-Thường-quân là bậc anh-hùng có nhiều bộ-hạ, thế lực mạnh, muốn cầm lại mà phong làm thừa-tướng. Hữu thừa-tướng nước Tần, là Vu-Li-Tật sợ mất quyền, liền gièm-pha, xin vua Tần giết Mạnh-Thường-quân mà trừ hậu hoạn. Vua nghe lời, cầm sứ-giả nơi quán-xá.

Mạnh-Thường hay được, cậy người đem đượ cho Yên-cơ là cung-nữ yêu nhất của vua Tần, một cái áo hồ-cừ trắng, qui lằm, xin nói giùm với vua cho mình về. Vua nghe lời Yên-cơ, cấp giấy cho Thường-quân về. Tức-tức, nội đêm ấy, Mạnh-Thường đi ngay. Đến cửa ải Hàm-cốc, thì đã nửa đêm, cửa đóng. Thường-quân nóng nẩy, sợ quân Tần theo bắt, thì một tân-khách giả làm gà gáy. Quan giữ tướng sáng, mở cửa thành cho đi. Nhờ tiếng gà, mà thoát nạn.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

Lại khuyên người Tống sĩ năm canh.
Nhân đến chuyện chur gia bá nghiệp, (37)
Coi giò gà, xét biết thanh suy (38)
Giận anh dê cứ nói việc ăn,
Khéo kiểm chác những đều xoi tẹ.
Dê biết lễ, gà cũng biết lễ,
Dê tế thần, gà cũng tế thần.
Việc nhơn-gian, mọi việc thuộc lâu,
Vi thượng-đế luyện tâm luyện tính.
Gà thua dê một chòm râu ninh,
Vốn chủ không nhờ cậy chi dê,
Gà sợ e ông chủ ngủ mê,
Nên gà phải kêu vang giục-giã
Dê vu rằng (39) vậy ngò, vậy cái.
Dê cáo rằng : phá đậu, phá khoai,
Gà không ai chẵn giữ vẽ vời,
Nên gà mới lồi lằm bươi móc.
Kể ít chuyện, cho dê biết mặt,
Kẻo rằng : gà vô thú trong đời.
Gà dề đầu có dám phân bì,
Nói phần phải, mà nghe chớ dặng.
Dê nghe nói công-linh nhẹ nạng,
E tài mình còn kém gà nhiều !
Bèn chịu xin lập tờ tự thuận.
Gà còn hãy chưa nguôi nổi giận,
Liên phát ngôn thừa chủ một lời :
N như chúng gà, vốn đạo làm tôi,
Giữ một tiết (40) thức khuya, dậy sớm,
Thuở ấu-thơ người còn triu trôm,

(37) Trăm nghề. (38) Xem giò gà mừng ba tết, mà đoán nên hư
(39) Vu cáo, cáo gian. (40) Lòng ngay thẳng.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

Đến lớn khôn, đều có riêng tư.
Ai siêng bươi, siêng móc thì no,
Ai không kiếm, không tìm thì đói.
Gà gặm lại thân gà thêm tủi,
Làm tôi người, không đặng nhờ chi !
Heo ăn rồi, ngủ ngáy sì-sì,
Thật quá đại, biết chi việc chủ !
Nhắm diện-mạo, dị hình, dị thú
Xem dung-nhan, khác thế, lạ đời.
Như nuôi chơi, chẳng phải thú chơi,
Chạy rau, cảm như tiền nội án (41)
No đủ mỡ, nhảy quanh, nhảy quất,
Đói xép hông, cắn máng, cắn chuồng.
Báu quý gì, mà người yêu vậy ?
Mù quáng chi, mà phải bảo cô !
Nhỏ chuồng ra, đuổi nó cho rồi !
Đừng cho ở lâu ngày mà nhóp.
Heo nghe nói, giận hằm ba chặp.
Liên chạy ra cái máng vôi-vàng :
Gà khôn-ngoan, thì rủa mặc chàng,
Đừng nói thêm, mà khoe mồng đỏ !
Tao bảo mày, chớ còn múa mỏ,
Coi có ngày cắn cổ chẳng tha !
Nội hàng trong lục súc với nhau,
Ai sánh đặng mình heo béo tốt !
Đừng ! đừng quen lời nói lạnh-chanh,
Bớt ! bớt thói chê ai ăn ngủ !
Kia những việc hôn nhờn giá thú,
Không heo ra, tính đặng việc chi ?

1) tiền nợ sở phí bồi-thường việc thừa kiện, án tử.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

Dầu cho mời năm, bảy chuyển đi,
Cũng không thấy một người thấp-thoáng.
Việc hòa giải, heo đầu công-trạng,
Thấy mặt heo, nguôi dạ oán thù.
Nhấn đến khi ngu phụ, ngu phụ,
Giận nhau đánh giập đầu, chảy máu,
Làng xã tới lao-đao, lặn-đạn,
Nào thấy ai gỡ rối cho xong?
Khiêng heo ra để tại giữa vòng,
Mọi việc rối, đều xong như chải (42)
Phải hay chẳng, nghĩ thử mà coi,
Việc quan, hôn, tang, tế vô hồi,
Thấy thấy cũng lấy heo làm trước.
Bối gà nhỏ, nói lời lẩn lớt,
Nên phải phân ít chuyện mà nghe.
Heo cũng biết đền ơn, báo ngãi,
Heo cũng hay tiêu họa, trừ tai.

Toái thân, phấn cốt, chi nài!

Nát thịt, tan xương, bao quản!

Lòng thờ chủ, ngay đà tỏ rạng,
Thân mình này, ví bằng như không!
Tại chú gà lời nói khùng-khùng,
Mới sanh sự so-đo trường, đoán.
VẬY CHỦ BÈN PHÂN ĐOÁN:
Gà biết chữ xả sinh thủ ngãi (43)
Heo đặng câu sát thân thành nhơn, (44)
Thôi thôi! đừng nhĩ, ngã thiệt hơn.

(42) Như tóc rối, chảy sông hết. (43) Hi-sinh tánh mạng mà giữ nghĩa. (44) Chịu chết cho nên việc người.



THAI ĐỐ

Các bậc đại vũ-hào tiền-bối của ta rất thích chơi văn. Trong làng, lũng, có kỳ yên, chạp miếu, cùng hội-hè chi chi, đều có tổ-chức một cuộc đố thai giữa công-chúng. Đố là một cách chơi văn cực-kỳ thi thử được toàn thính-giả hoan-nghinh nhiệt-liệt. Sau lễ tế thần, cùng rớt bữa tiệc, một vài vị đại nho đàn anh ra thai. Câu thai khi thi ý từ tiêm-tàng, rất cao sâu, quả khó-khăn, không ai đáp nổi. Khi mi ý từ rõ ràng, lời văn giản-dị, dễ đáp : lúc lại hùng-hồn oanh-liệt ; khi lại ngộ-nghĩnh khôi-hài, có khi thả giọng lảng-lơ, cảm-tình man-mác, thi vị nồng-nàn. Thật là một hi-cuộc nho nhã lý thú, vừa mở trí, vừa thử tài cá-nhơn, vì phải tri hỏa thông-minh lanh lẹ, học lực uyên-thâm, mới đáp thai được.

Ông già ông chết đã lâu,
Con mắt trắng xát, hàm râu hầy còn.

Xuất mộc (cây) Đáp : *gốc tre khô.*

Hai tương, tám quân, lên núi ki-lân,
bắt thẳng ừ bự!

Xuất sự (việc) Đáp : *tay bắt chít.*

Chơn đi lững-dững là-đá,
Minh mặc áo da, dầu bịt khăn đen.

Xuất điều (chim) Đáp : *con bìm-bịp.*

Cây khô mọc rể trên đầu,
Sông suối không sợ, sợ cầu bắc ngang!

Xuất vật dụng Đáp : *cái cột buồm.*



Cây suôn duột-duột, lá tợ đuôi công,
Chặt lấy đầu nổi tổ - tông; vắt lấy nước
đãi người thiên-hạ.

Xuất mộc Đáp : *cây mía.*

Ăm - ăm sấm dậy, mưa bay,
Câu - liêm giựt lại, đổ bầy giống gì ?

Xuất vật dụng Đáp : *cái cối xay.*

Một mình mà giữ hai nhà,
Nắng mưa phải chịu, lòng dạ thẳng ngay.

Xuất vật dụng Đáp : *cái máng xối.*

Hai tay ôm lấy cột nhà,
Thịt xương chẳng có, có da bầy-nhầy.

Xuất vật dụng Đáp : *cái võng treo cột nhà.*

Tiên trị kỳ gia, hậu trị kỳ quốc; quốc trị
nhi hậu thiên hạ bình.

Xuất vật dụng Đáp : *cái máng-xối.*

Thuyền bé bé, có một tấm be, năm người
chận, năm người dè, sóng gió không có, nó
chạy te - te.

Xuất vật dụng Đáp : *cái vach.*

Cây suôn duột - duột, lá tợ đuôi công,
dừng giữa đồng, năm hủ nước.

Xuất mộc Đáp : *cây dừa.*

Chơn vịt, thịt gà, da trâu, dầu rắn.

Xuất thú Đáp : *con rùa.*

Nhà ta sau, trước bịt-bùng,
Chung quanh tre mọc, hây còn hỏ-hang.

Xuất vật dụng Đáp : *cái trống.*

Chịu oan một tiếng có chõng,
Vắng-vẻ loan-phòng. có cũng như không.

Xuất quả (trái cây) Đáp : *trái sần-riêng.*

Le-le, vọt nước, bồng-bồng,
Tôi muốn có chồng, ông xã không cho.

Xuất mộc Đáp : *cây lano-cana.*

Chó đậu có sữa lỗ không,
Gái chẳng trác-nết, sao chồng hay ghen !

Xuất vật dụng Đáp : *cái quả hư.*

Thương nhau cời áo cho nhau,
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay.

Xuất vật dụng Đáp : *con dẫu (giấu).*

Ro-re nước chảy trên dèo
Bà già lật-dật mua heo cười chồng.

Xuất điều Đáp : *con chàng-nghich.*

Trên sơn, dưới thủy, thề nguyện,
Khử, lai minh-bạch cho tuyền tủy chung

Xuất vật dụng Đáp : *cái bánh-lái.*

Chị kia xách rỏ đi đâu ?
Tôi đi hốt thuốc, chồng đau ở nhà.

Xuất bình (bánh) Đáp : *bánh hỏi.*

Có chồng thì phải theo chồng,
Đắng, cay phải chịu, mặn nồng phải cam

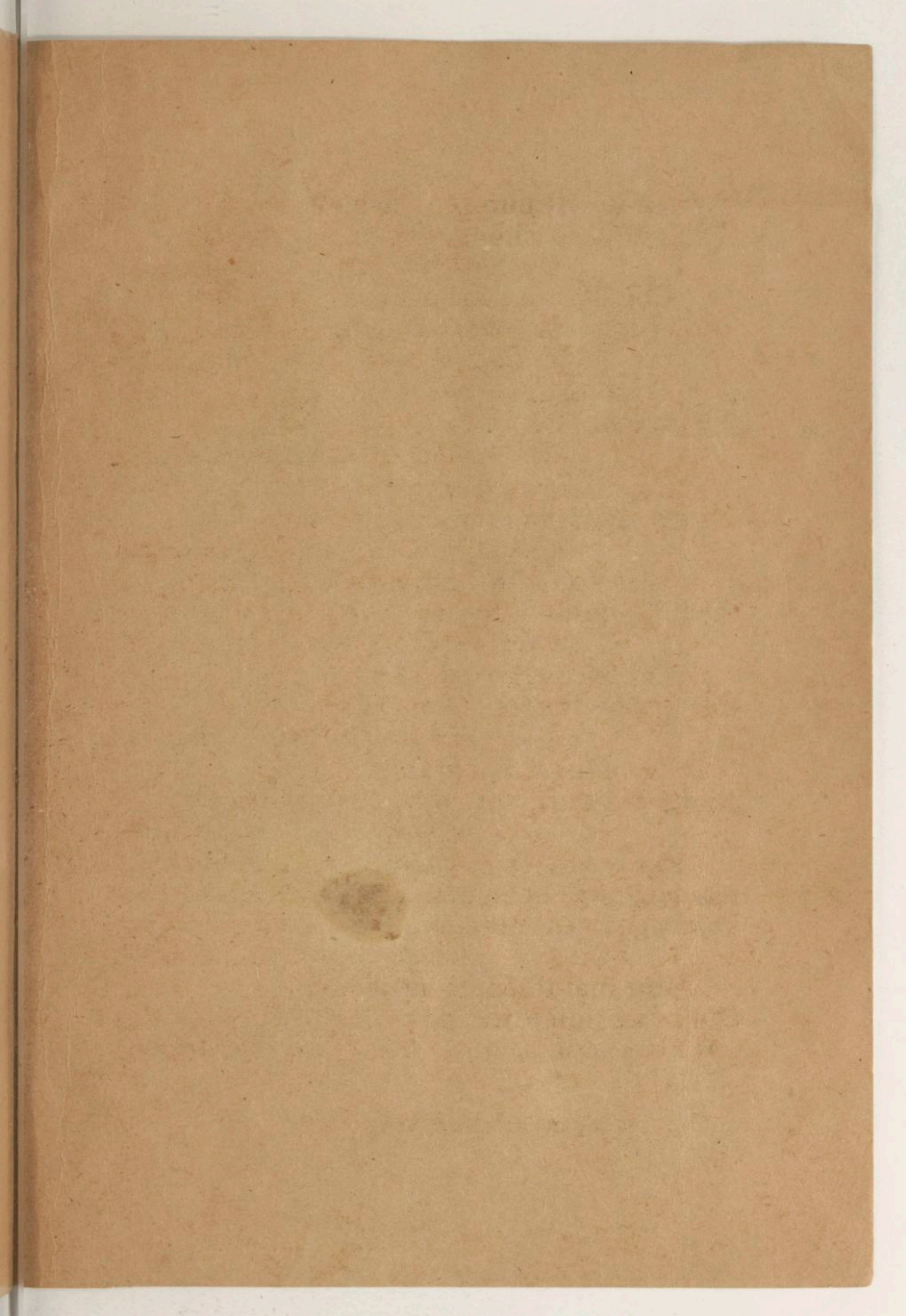
Xuất vật dụng Đáp : *cối đâm tiêu.*

Ngày dạo chơi vườn hạnh tối thơ-thần
má-dào, gheo nàng tiên những lúc chiêm-bao,
khuyến quân-tử mơ-màng giấc điệp.

Xuất thú Đáp : *con muỗi.*

Một mai thiệp có xa chàng,
Đôi bông thiệp trả, đôi vàng thiệp xin.
Xuất hương-chức nhứt vị Đáp : *ông tham-trưởng.*

Quyển nhì sẽ tiếp theo



IMP. BAO-TON
175 Boulevard de la somme. Saigon

Tirage 1000 Ex.

Handwritten notes in brown ink:
L'ordre de la Bibliothèque
visa pour la censure
Bureau Mai-ram
Imp. Bao Ton
L'ordre de la Bibliothèque
visa pour la censure
Bureau Mai-ram
Imp. Bao Ton
L'ordre de la Bibliothèque
visa pour la censure
Bureau Mai-ram
Imp. Bao Ton